

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên : Trương Thanh Huyền

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Cao Thị Hồng Hạnh

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH : QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên : Trương Thanh Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Cao Thị Hồng Hạnh

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trương Thanh Huyền

Mã SV : 1412402075

Lớp : QT1801N

Ngành : Quản trị doanh nghiệp

Tên đề tài : ***Biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ Phần
Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ***

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Xây dựng cơ sở lý luận về tài chính kinh doanh của Doanh nghiệp
- Thực trạng tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu Khí Đình Vũ
- Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu Khí Đình Vũ
- Các số liệu cần thiết để thiết kế , tính toán
- Báo cáo tài chính doanh nghiệp
- Bảng đánh giá hiệu quả thực hiện biện pháp

2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu Khí Đình Vũ

**Địa chỉ : Lô CN 2.1 – Khu Công nghiệp Đình Vũ , phường Đông Hải II ,
quận Hải An , thành phố Hải Phòng**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : ThS. Cao Thị Hồng Hạnh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại Học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn : Biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên :

Đơn vị công tác :

Họ và tên sinh viên : Chuyên ngành:

Đề tài tốt nghiệp :

.....

Nội dung hướng dẫn :

.....

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (So với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...)

.....

.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3
1 . Khái quát về tài chính và hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp.....	3
2. Phân tích tài chính doanh nghiệp.....	4
2.1 Khái niệm.....	4
2.2 Ý nghĩa của việc phân tích tài chính doanh nghiệp	4
2.3 Nhiệm vụ của phân tích tài chính doanh nghiệp.....	5
2.4 Mục tiêu	5
2.5 Nội dung cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp.....	6
2.6 Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp.....	7
3. Phân tích khái quát hoạt động tài chính doanh nghiệp	11
3.1 Phân tích bảng cân đối kế toán	11
3.2 Phân tích qua báo cáo kết quả kinh doanh.....	15
3.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	16
3.3.2 Nhóm hệ số cơ cấu nguồn vốn , cơ cấu tài sản	19
3.3.3 Nhóm hệ số về hiệu suất hoạt động	20
3.3.4 Nhóm hệ số sinh lời	22
3.3.5 Phân tích các tỷ lệ thanh toán	23
3.3.6 Phân tích khả năng luân chuyển vốn	25
3.3.7 Phân tích khả năng sinh lời	26
4 . Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27
4.1 Nhân tố khách quan.....	27
4.2 Nhân tố chủ quan.....	29
CHƯƠNG 2 :PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ.....	30
1. Giới thiệu về công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí đình vũ.....	30

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp	30
1.2 Chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp.....	31
1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí đình vũ	32
2. Phân tích thực trạng tài chính công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.....	39
2.1 Đánh giá chung về tình hình tài chính công ty qua bảng cân đối kế toán	39
2.2 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính đặc trưng của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ	46
3 .Phân tích khả năng sinh lợi bằng phương pháp Dupont	56
4 . NHẬN XÉT	57
4.1 Ưu điểm.....	58
CHƯƠNG 3 :MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ	60
1. Phương hướng phát triển của công ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ.....	60
1.1 Về đầu tư.....	60
1.2 Về đào tạo lao động.....	61
1.3 Về các mặt hoạt động của công ty.....	62
2. Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Công Ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ	63
2.1 Quản lý các khoản phải thu tại công ty.....	63
2.2 Đầu tư thuê mở rộng mặt bằng nhằm tăng doanh thu.....	66
KẾT LUẬN.....	71

LỜI MỞ ĐẦU

Sau khi ra nhập tổ chức thương mại thế giới WTO , nước ta đã hội nhập toàn diện với nền kinh tế thế giới. Cùng với nhiều thuận lợi cũng như thử thách của một nền kinh tế năng động và mang tính cạnh tranh gay gắt , các doanh nghiệp phải nỗ lực không ngừng để tìm chỗ đứng trên thị trường ,bằng nhiều cách khác nhau ,doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn và sáng tạo sao cho phù hợp với khả năng của doanh nghiệp và thực tế của thị trường .

Quản trị tài chính là một bộ phận quan trọng của quản trị doanh nghiệp . Các hoạt động kinh doanh đều ảnh hưởng tới tài chính của doanh nghiệp , ngược lại tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình kinh doanh . Do đó , để phục vụ công tác quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhà quản trị phải cần thường xuyên tổ chức phân tích tình hình tài chính cho tương lai . Bởi vì thông qua việc tính toán , phân tích tình hình cho ta biết điểm mạnh và điểm yếu về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp , cũng như tiềm năng cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục . Qua đó các nhà quản lý tài chính có thể xác định được nguyên nhân gây ra và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới .

Sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như : môi trường kinh doanh, trình độ quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp , đặc biệt là trình độ quản trị tài chính . Để đảm bảo đúng tiến độ , không bị gián đoạn , có hiệu quả thì doanh nghiệp nhất định phải đánh giá tình hình tài chính một cách chính xác . Trên cơ sở đó , doanh nghiệp sẽ xem xét những điểm mạnh , điểm yếu ,những mặt tích cực , những tồn tại để đề ra những biện pháp kịp thời cải thiện tình hình tài chính . mà còn thông qua đó để tìm ra được chiến lược phát triển trong tương lai của công ty. Chính vì thế phân tích tài chính luôn được các doanh nghiệp đặt lên hàng đầu

Trong thời gian thực tập ở công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ . Em đã cố gắng học hỏi và tìm hiểu hoạt động của công ty thông qua phân tích tình hình tài chính trong vài năm gần đây nhằm mục đích đóng góp một phần vào việc hoàn thành công tác phân tích tài chính nói riêng , nâng cao hiểu biết

của mình về doanh nghiệp nói chung , cho nên em chọn đề tài “Biện pháp cải thiện tình hình tài chính công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ ”làm đề tài tốt nghiệp .

Đối tượng nghiên cứu là Công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ .Đạt mục đích phân tích tài chính doanh nghiệp

- Đề tài tập trung nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của quá trình sử dụng vốn và giải pháp nhằm sử dụng vốn có hiệu quả . Cụ thể là đi sâu nghiên cứu quy mô ,kết cấu , các quan hệ so sánh , các nhân tố liên quan đến quá trình sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu của đề tài là sử dụng số liệu thống kê và kế toán của công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ thời kỳ 2016-2017

Nội dung của đề tài bao gồm những chương sau :

Chương 1: Lý luận chung về tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp

Chương 2 : Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ thời kỳ 2016-2017

Chương 3 : Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô khoa Quản trị kinh doanh đã trang bị cho em rất nhiều kiến thức cơ bản về ngành học , đặc biệt là cô giáo hướng dẫn - ThS. Cao Thị Hồng Hạnh đã tận tình giúp đỡ và chỉ bảo em trong suốt thời gian làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Do năng lực và kiến thức có hạn nên khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót , kính mong thầy cô giúp đỡ và xem xét góp ý để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn .

Sinh viên

Trương Thanh Huyền

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1 . Khái quát về tài chính và hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp là một bộ phận của hoạt động quản trị doanh nghiệp , nó thực hiện những nội dung cơ bản của quản trị tài chính đối với quan hệ tài chính nảy sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh , nhằm thực hiện tốt nhất các mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp .

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều vấn đề tài chính nảy sinh đòi hỏi các nhà quản trị tài chính đưa ra những quyết định tài chính đúng đắn và tổ chức thực hiện các quyết định ấy một cách kịp thời và khoa học có như vậy doanh nghiệp mới có thể đứng vững và phát triển .

Để quyết định tài chính về mặt chiến lược hoặc chiến thuật mang tính khả thi và hiệu quả cao đòi hỏi phải có được lựa chọn trên cơ sở phân tích , đánh giá cân nhắc kỹ về mặt tài chính .

○ Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp có vai trò to lớn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp . Trong hoạt động kinh doanh tài chính của doanh nghiệp giữ vai trò chủ yếu sau :

- Huy động và đảm bảo đầy đủ , kịp thời vốn chi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

- Tổ chức sử dụng vốn kinh doanh tiết kiệm có hiệu quả.

- Giám sát , kiểm tra thường xuyên , chặt chẽ các mặt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

○ Nội dung của quản trị tài chính

Các nội dung chính trong quản trị tài chính doanh nghiệp như :

- Phân tích tài chính doanh nghiệp

- Hoạch định và kiểm soát tài chính doanh nghiệp
- Quản trị các nguồn tài trợ , chính sách phân phối và quản trị hoạt động đầu tư.

2. Phân tích tài chính doanh nghiệp

2.1 Khái niệm

Phân tích tài chính là quá trình tìm hiểu các kết quả của sự quản lý và điều hành tài chính ở doanh nghiệp được phản ánh trên các báo cáo tài chính đồng thời đánh giá những gì đã làm được , dự kiến những gì sẽ xảy ra trên cơ sở đó kiến nghị những biện pháp để tận dụng triệt để những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu .

Hay nói cách khác , phân tích tài chính doanh nghiệp là làm sao cho các con số trên “ biết nói ” để người sử dụng chúng có thể biết rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp các mục tiêu và phương pháp hành động của những người quản lý doanh nghiệp đó.

2.2 Ý nghĩa của việc phân tích tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động SXKD của một doanh nghiệp và có quyết định trong việc hình thành, tồn tại, phát triển của doanh nghiệp . Do đó tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp . Ngược lại , tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh . Vì vậy cần phải thường xuyên , kịp thời đánh giá , kiểm tra tình hình tài chính của doanh nghiệp trong đó có công tác hoạt động phân tích tài chính giữ vai trò quan trọng và có ý nghĩa sau :

Qua phân tích tài chính của doanh nghiệp mà đánh giá đầy đủ , chính xác tình hình phân phối và sử dụng vốn , vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của doanh nghiệp . Trên cơ sở đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn , giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính của mình .

Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, ngân hàng để đánh giá tình hình thực hiện các chế độ chính sách về tài chính của nhà nước ,xem xét việc cho vay vốn ,...

2.3 Nhiệm vụ của phân tích tài chính doanh nghiệp

Với ý nghĩa trên nhiệm vụ phân tích tài chính bao gồm :

- Đánh giá tình hình sử dụng vốn : xem xét phân bổ vốn , nguồn vốn có hợp lý không , xem xét mức độ đảm bảo vốn cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh , phát hiện những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu vốn .
- Đánh giá tình hình thanh toán , khả năng thanh toán của doanh nghiệp , tình hình chấp hành các chế độ , chính sách tài chính , tín dụng của nhà nước .
- Đánh giá hiệu quả việc sử dụng vốn .
- Phát hiện khả năng tiềm tàng , đề ra các biện pháp động viên , khai thác khả năng tiềm tàng nhằm nâng cao hiệu quả việc sử dụng vốn .

2.4 Mục tiêu

Phân tích tài chính có thể được hiểu như quá trình kiểm tra , xem xét các số liệu tài chính hiện hành và quá khứ nhằm mục đích đánh giá , dự tính các rủi ro tiềm ẩn trong tương lai phục vụ cho các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp . Mặt khác , phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho những mục đích của mình .

○ Đối với nhà quản trị : phân tích tài chính nhằm mục tiêu :

Tạo thành các chu kì đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh trong quá khứ , tiến hành cân đối tài chính , khả năng sinh lời , khả năng thanh toán trả nợ , rủi ro tài chính của doanh nghiệp .

Định hướng các quyết định của ban giám đốc như quyết định đầu tư , tài trợ , phân chia lợi nhuận cổ tức ... là cơ sở cho các dự báo tài chính kế hoạch đầu tư phân ngân sách tiền mặt ... Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý .

○ **Đối với các đơn vị chủ sở hữu :**

Họ cũng quan tâm đến lợi nhuận và khả năng trả nợ , sự an toàn của tiền vốn bỏ ra , thông qua phân tích tài chính giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình SXKD , khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản lý , cũng như việc phân phối kết quả kinh doanh .

○ **Đối với các chủ nợ (ngân hàng , các nhà cho vay , nhà cung cấp)**

Mỗi quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp . Do đó họ cần phải chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng như quan tâm đến lượng vốn của chủ sở hữu , khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không khi quyết định cho vay , bán chịu sản phẩm cho đơn vị .

○ **Đối với các nhà đầu tư trong tương lai :**

Điều mà họ quan tâm đến đầu tiên là an toàn của số lượng vốn đầu tư , kế đó là mức độ sinh lời , thời gian hoàn vốn vì vậy họ cần những thông tin tài chính , tình hình hoạt động , kết quả kinh doanh , tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp .

2.5 Nội dung cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh , đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định bao gồm vốn kinh doanh , các quỹ , vốn đầu tư xây dựng cơ bản , vốn vay và các loại vốn khác . Doanh nghiệp có nhiệm vụ tổ chức và huy động các loại vốn cần thiết cho nhu cầu kinh doanh . Đồng thời , tiến hành phân phối , quản lý và sử dụng số vốn hiện có một cách hợp lý , có

hiệu quả nhất trên cơ sở chấp hành các chế độ , chính sách quản lý kinh tế - tài chính và kỷ luật thanh toán của nhà nước .

Việc thường tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho người sử dụng thông tin nắm được thực trạng hoạt động tài chính , xác định rõ nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh . Trên cơ sở đó , đề xuất ra các biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh . Nội dung chủ yếu của phân tích báo cáo tài chính đi từ khái quát đến cụ thể bao gồm các nội dung sau :

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp
- Phân tích cơ cấu nguồn vốn và tài sản , tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- Phân tích hiệu quả sử dụng vốn

2.6 Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp

Phương pháp phân tích tài chính bao gồm một hệ thống các công cụ và biện pháp nhằm tiếp cận , nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng , các mối quan hệ bên trong và bên ngoài , các luồng dịch chuyển và biến đổi tài chính , các chỉ tiêu tài chính tổng hợp và chi tiết , nhằm đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.

Về lý thuyết có nhiều phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp , nhưng trên thực tế người ta thường sử dụng các phương pháp sau :

○ Phương pháp so sánh .

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp, thấy được tình hình tài chính được cải thiện hay xấu đi như thế nào để có biện pháp khắc phục trong kỳ tới.

- So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy rõ mức độ phần đầu của doanh nghiệp .

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với mức độ trung bình của ngành để thấy tình hình tài chính doanh nghiệp đang ở trong tình trạng tốt hay xấu , được hay chưa được so với doanh nghiệp cùng ngành .

- So sánh theo chiều dọc để thấy được tỷ trọng của từng tổng số ở mỗi bản báo cáo và qua đó chỉ ra ý nghĩa đương đối của các mục , tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh .

-So sánh theo chiều ngang để thấy được sự biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối của một khoản mục nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

Khi sử dụng phương pháp so sánh phải tuân thủ 2 điều kiện sau :

- Điều kiện một : Phải xác định rõ “ gốc so sánh” và “kỳ phân tích”.

- Điều kiện hai : Các chỉ tiêu so sánh (hặc các trị số của chỉ tiêu so sánh) , phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được với nhau . Muốn vậy , chúng phải thống nhất với nhau về nội dung kinh tế , phương pháp tính toán , thời gian tính toán .

o **Phương pháp tỷ lệ .**

Phương pháp này dựa trên các ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính . Về nguyên tắc , phương pháp này yêu cầu phải xác định được các ngưỡng , các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp , trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu .

Đây là phương pháp có tính hiện thực cao với các điều kiện được áp dụng ngày càng được bổ sung và hoàn thiện hơn vì :

- Nguồn thông tin kế toán và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn là cơ sở để hình thành những tham chiếu tin cậy nhằm đánh giá một tỷ lệ của doanh nghiệp hay một nhóm doanh nghiệp .

- Việc áp dụng tin học cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy nhanh quá trình tính toán hàng loạt các tỷ lệ .

- Phương pháp này giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả của những số liệu và phân tích một cách hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn .

o **Phương pháp Dupont.**

Mô hình Dupont là kỹ thuật có thể được sử dụng để phân tích khả năng sinh lãi của một công ty bằng các công cụ quản lý hiệu quả truyền thống. Mô hình Dupont tích hợp nhiều yếu tố của báo cáo thu nhập với bản cân đối kế toán.

Trong phân tích tài chính, người ta vận dụng mô hình Dupont để phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. Chính nhờ sự phân tích mối liên kết giữa các chỉ tiêu tài chính, chúng ta có thể phát hiện ra những nhân tố đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích theo một trình tự nhất định.

Mô hình phân tích tài chính Dupont là tên của một nhà quản trị tài chính người pháp tham gia kinh doanh ở mỹ .

Ứng Dụng Mô Hình Dupont

. Mô hình có thể được sử dụng bởi bộ phận thu mua và bộ phận bán hàng để khảo sát hoặc giải thích kết quả của ROE, ROA,...

. So sánh với những hãng khác cùng ngành kinh doanh

. Phân tích những thay đổi thường xuyên theo thời gian

. Cung cấp những kiến thức căn bản nhằm tác động đến kết quả kinh doanh của công ty

. Cho thấy sự tác động của việc chuyên nghiệp hóa chức năng mua hàng.

Dưới góc độ nhà đầu tư cổ phiếu, một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất là hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Do vốn chủ sở hữu là một

phần của tổng nguồn vốn hình thành nên tài sản, nên ROE sẽ phụ thuộc vào hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản. Mối quan hệ này được thể hiện bằng mô hình Dupont như sau:

$$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Hay, ROE = ROA x Đòn bẩy tài chính

Vì vậy, mô hình Dupont có thể tiếp tục được triển khai chi tiết thành:

$$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Hay, ROE = Hệ số Lợi nhuận ròng x Hiệu suất sử dụng tổng tài sản x Đòn bẩy tài chính

Dupont đã chỉ ra được mối quan hệ giữa các chỉ số hoạt động trên phương diện chi phí và các số hiệu quả sử dụng vốn, từ việc phân tích

$$\text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng số vốn}} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng số vốn}}$$

Dupont đã khái quát hóa và trình bày chỉ số ROI một cách rõ ràng, nó giúp cho các nhà quản trị tài chính có một bức tranh tổng hợp để có thể đưa ra các quyết định tài chính hữu hiệu.

Tóm lại, phân tích báo cáo tài chính bằng mô hình Dupont có ý nghĩa lớn đối với quản trị DN thể hiện ở chỗ có thể đánh giá đầy đủ và khách quan các nhân tố tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh từ đó tiến hành công tác cải tiến tổ chức quản lý của doanh nghiệp.

3. Phân tích khái quát hoạt động tài chính doanh nghiệp

3.1 Phân tích bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính mô tả tình trạng tài chính của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định nào đó. Đây là một báo cáo tài chính phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, dưới hình thái tiền tệ theo giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản. Xét về bản chất, bảng cân đối kế toán là một bảng cân đối tổng hợp giữa tài sản với vốn chủ sở hữu và công nợ phải trả (nguồn vốn).

Tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn .

Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn là xem xét và đánh giá sự thay đổi các chỉ tiêu cuối kỳ so với đầu kỳ trên BCĐKT về nguồn vốn và cách thức sử dụng vốn của doanh nghiệp vào công việc cụ thể . Sự thay đổi của các tài khoản trên BCĐKT từ kỳ trước tới kỳ này cho ta biết nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn .

Để tiến hành phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn , trước tiên người ta trình bày BCĐKT dưới dạng bảng cân đối báo cáo (trình bày một phía) từ tài sản đến nguồn vốn , sau đó so sánh số liệu cuối kỳ với đầu kỳ trong từng chỉ tiêu của bảng cân đối để xác định tình hình tăng giảm vốn trong doanh nghiệp theo nguyên tắc .

❖ Nội dung của bảng cân đối kế toán

Nội dung thể hiện qua hệ thống các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản . Các chỉ tiêu được phân loại , sắp xếp thành từng loại , mục và chỉ tiêu cụ thể . Các chỉ tiêu được mã hóa để thuận tiện hơn cho việc kiểm tra đối chiếu và được phản ánh theo số đầu kỳ và số cuối kỳ .

❖ Kết cấu

Bảng cân đối kế toán được chia thành hai phần theo nguyên tắc cân đối :

Bảng cân đối kế toán có hai hình thức trình bày:

- Hình thức cân đối hai bên: Bên trái là phần tài sản, bên phải là phần nguồn vốn.
- Hình thức cân đối hai phần liên tiếp: phần trên là phần tài sản, phần dưới là phần nguồn vốn.

Mỗi phần đều có số tổng cộng và số tổng cộng của hai phần luôn luôn bằng nhau.

Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn

Hay Tài sản = Vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả

Phần tài sản: Bao gồm có tài sản lưu động và tài sản cố định.

- ❖ Về mặt pháp lý, phần tài sản thể hiện số tiềm lực mà doanh nghiệp có quyền quản lý, sử dụng lâu dài gắn với mục đích thu được các khoản lợi ích trong tương lai.
- ❖ Về mặt kinh tế, các chỉ tiêu của phần tài sản cho phép đánh giá tổng quát về quy mô vốn, cơ cấu vốn, quan hệ giữa năng lực sản xuất và trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Phần nguồn vốn: Bao gồm công nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, phản ánh các nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp.

- ❖ Về mặt pháp lý, phần nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý về mặt vật chất của doanh nghiệp đối với các đối tượng cấp vốn(Nhà nước, ngân hàng, cổ đông, các bên liên doanh...). Hay nói cách khác thì các chỉ tiêu bên phần nguồn vốn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp về tổng số vốn đã đăng ký kinh doanh, về số tài sản hình thành và trách nhiệm phải thanh toán các khoản nợ(với người lao động, với nhà cung cấp, với Nhà nước...).

- ❖ Về mặt kinh tế, phân nguồn vốn thể hiện các nguồn hình thành tài sản hiện có, căn cứ vào đó có thể biết tỷ lệ, kết cấu của từng loại nguồn vốn đồng thời phân nguồn vốn cũng phản ánh được thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Tác dụng của phân tích bảng cân đối kế toán:

- + Cho biết một cách khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu về tổng tài sản và tổng nguồn vốn.
- + Thấy được sự biến động của các loại tài sản trong doanh nghiệp : tài sản lưu động, tài sản cố định.
- + Khả năng thanh toán của doanh nghiệp qua các khoản phải thu và các khoản phải trả.
- + Cho biết cơ cấu vốn và phân bổ nguồn vốn trong doanh nghiệp.

- ❖ Tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán

Xem xét cơ cấu và sự biến động của tổng tài sản cũng như từng loại tài sản thông qua việc tính toán tỉ trọng của từng loại , so sánh giữa số cuối kỳ và đầu kỳ cả về số tuyệt đối và tương đối . Qua đó thấy được sự biến động về quy mô tài sản và năng lực kinh doanh của doanh nghiệp . Mặt khác cần tập trung vào một số loại tài sản quan trọng cụ thể :

- Sự biến động tài sản tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn ảnh hưởng đến khả năng ứng phó đối với các khoản nợ đến hạn
- Sự biến động của hàng tồn kho chịu ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất kinh doanh từ khâu dự trữ sản xuất đến khâu bán hàng
- Sự biến động của khoản phải thu chịu ảnh hưởng của công việc thanh toán và chính sách tín dụng của doanh nghiệp đối với khách hàng . Điều đó ảnh hưởng đến việc quản lý và sử dụng vốn

- Sự biến động của tài sản cố định cho thấy quy mô và năng lực sản xuất hiện có của doanh nghiệp.

* Xem xét phần nguồn vốn , tính toán tỉ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số vốn , so sánh số tuyệt đối và số tương đối giữa cuối kỳ và đầu năm . Từ đó phân tích cơ cấu vốn đã hợp lý chưa , sự biến động có phù hợp với xu hướng phát triển của doanh nghiệp không hay có gây hậu quả gì , tiềm ẩn gì không tốt đối với tình hình tài chính của doanh nghiệp hay không ? Nếu nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỉ trọng cao trong tổng số nguồn vốn thì doanh nghiệp có đủ khả năng tự bảo đảm về mặt tài chính và mức độ độc lập của doanh nghiệp đối với các chủ nợ là cao . Ngược lại , nếu công nợ phải trả chiếm chủ yếu trong tổng số nguồn vốn thì khả năng bảo đảm về mặt tài chính của doanh nghiệp sẽ thấp .

Khi phân tích phần này cần kết hợp với phần tài sản để thấy được mối quan hệ với các chỉ tiêu , khoản mục nhằm phân tích được sát hơn .

* Xem xét mối quan hệ cân đối giữa các chỉ tiêu , các khoản mục trên bảng cân đối kế toán , xem xét việc bố trí tài sản và nguồn vốn trong kỳ kinh doanh đã phù hợp chưa ?

* Xem xét trong công ty có các khoản đầu tư nào , làm thế nào công ty mua sắm được tài sản , công ty đang gặp khó khăn hay phát triển thông qua việc phân tích nguồn vốn , các chỉ số tự tài trợ vốn .

- Phân tích cân đối giữa tài sản và nguồn vốn

Phân tích tình hình phân bổ tài sản của doanh nghiệp cho ta thấy cái nhìn tổng quát về mối quan hệ và tình hình biến động của cơ cấu tài chính , để xem xét nội dung bên trong của nó mạnh hay yếu , cần phân tích cơ cấu nguồn vốn để đánh giá khả năng tự tài trợ về mặt tài chính của doanh nghiệp cũng như mức độ tự chủ trong kinh doanh hay những khó khăn mà doanh nghiệp phải đương đầu . Điều đó được phản ánh qua việc xác định tỉ suất tài trợ càng cao thể hiện khả năng độc lập càng cao về mặt tài chính của doanh nghiệp .

Như vậy việc phân tích bảng cân đối kế toán cung cấp cho ta khá nhiều thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên để hiểu hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp ta cần phải phân tích thêm các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán mà chỉ có ở các báo cáo khác .

3.2 Phân tích qua báo cáo kết quả kinh doanh

- Khái niệm :

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính và các hoạt động khác , tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước về thuế và các khoản phải nộp khác . Nói cách khác báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Quá trình đánh giá khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể thông qua việc phân tích hai nội dung cơ bản sau :

- + Phân tích kết quả các hoạt động

Lợi nhuận từ các loại hoạt động của doanh nghiệp cần được phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu , chi phí , kết quả của từng loại hoạt động . Từ đó , có nhận xét về tình hình doanh thu của từng loại hoạt động tương ứng với chi phí bỏ ra nhằm xác định kết quả của từng loại hoạt động trong tổng số các hoạt động của toàn doanh nghiệp .

- + Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh đem lại trong từng thời kỳ hoạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá , phân tích hiệu quả các mặt , các lĩnh vực hoạt động ,

phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp .

Bảng phân tích báo cáo kết quả kinh doanh đúng đắn và chính xác sẽ là số liệu quan trọng để tính và kiểm tra số thuế doanh thu , thuế lợi tức mà doanh nghiệp phải nộp và tự kiểm tra , đánh giá của các cơ quan quản lý về chất lượng hoạt động của doanh nghiệp .

+ Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng là một phương pháp phân tích hiện đại. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh ba mục thông tin chủ yếu :

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Việc sử dụng các báo cáo tài chính để phân tích tài chính trong doanh nghiệp là rất cần thiết tuy nhiên nó chưa lột tả được hết thực trạng tài chính của doanh nghiệp . Để thấy rõ hơn các mối quan hệ tài chính của doanh nghiệp ta phải đi phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng , dùng nó làm căn cứ để hoạch định những vấn đề tài chính cho năm tới.

3.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Trong phân tích tài chính, thường dùng các nhóm chỉ tiêu đánh giá sau :

- 3.3.1 Nhóm hệ số và khả năng thanh toán**
- 3.3.2 Nhóm hệ số cơ cấu nguồn vốn , cơ cấu tài sản**
- 3.3.3 Nhóm hệ số về hiệu suất hoạt động**
- 3.3.4 Nhóm hệ số sinh lời**
- 3.3.5 phân tích các tỷ lệ thanh toán**
- 3.3.6 Phân tích khả năng luân chuyển vốn**
- 3.3.7 Phân tích khả năng sinh lời**

3.3.1 Nhóm hệ số và khả năng thanh toán

- Hệ số thanh toán tổng quát

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát (H1)} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Hệ số khả năng thanh toán H1 phản ánh mối quan hệ giữa khả năng thanh toán và nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp. Hệ số khả năng thanh toán có ý nghĩa 1 đồng. Nợ được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản.

- ✓ H1 > 1. Chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, song nếu H1 > 1 quá nhiều thì cũng không tốt vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng vốn.
- ✓ H1 < 1 và tiến tới 0 báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp giảm và mất dần, tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ trả nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

Hệ số thanh toán hiện thời thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (H2)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- ✓ H2 = 2 là hợp lý nhất vì như thế doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.
- ✓ Nếu H2 > 2 : thể hiện khả năng thanh toán hiện hành của doanh nghiệp dư thừa. Nếu H2 > 2 quá nhiều chứng tỏ vốn lưu động của doanh nghiệp đã bị ứ đọng, trong khi đó hiệu quả kinh doanh chưa tốt.

- ✓ Nếu $H2 < 2$: cho thấy khả năng thanh toán hiện hành chưa cao.
Nếu $H2 < 2$ quá nhiều thì doanh nghiệp không thể thanh toán được hết các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả , đồng thời uy tín đối với các chủ nợ giảm , tài sản để dự trữ kinh doanh không đủ .

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh.

Hệ số thanh toán nhanh là một tiêu chuẩn đánh giá khắt khe hơn về khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn so với các chỉ số thanh toán chung .

Hệ số này phản ánh năng lực thanh toán của doanh nghiệp mà không dựa vào việc buôn bán các loại hàng hóa , vật tư của doanh nghiệp .

Tuy nhiên , cũng như hệ số thanh toán nợ ngắn hạn , độ lớn của hệ số này cũng phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp và chu kỳ thanh toán của các khoản nợ phải thu , phải trả trong kỳ .

Hệ số này được tính như sau :

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{\text{Tài Sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

- ✓ $H3 = 1$ được coi là hợp lý nhất vì như vậy doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh vừa không bị mất cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại .
- ✓ $H3 < 1$: cho thấy doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.
- ✓ $H3 > 1$: phản ánh tình hình thanh toán nợ không tốt vì tiền và các khoản tương đương tiền bị ứ đọng , vòng quay vốn chậm làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

- Hệ số thanh toán tức thời .

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Đây là một tiêu chuẩn đánh giá khả năng thanh toán bằng tiền mặt khá khế hơn.

Đây là hệ số đánh giá sát hơn khả năng thanh toán của doanh nghiệp, phản ánh khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng tiền và các khoản tương đương tiền.

- Hệ số thanh toán lãi vay.

Hệ số này cho biết khả năng thanh toán lãi vay của doanh nghiệp và cũng phản ánh mức độ rủi ro có thể gặp phải đối với các chủ nợ.

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

Hệ số này dùng để đo lường mức độ lợi nhuận có được do sử dụng vốn để đảm bảo trả lãi cho chủ nợ. Nói cách khác, hệ số thanh toán lãi vay cho chúng ta biết được số vốn đi vay đã sử dụng tốt tới mức độ nào và đem lại một khoản lợi nhuận là bao nhiêu, có đủ bù đắp lãi vay phải trả không.

3.3.2 Nhóm hệ số cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản

- Hệ số cơ cấu nguồn vốn:

Chỉ tiêu tài chính này phản ánh một đồng vốn hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng có bao nhiêu đồng vốn đi vay.

$$\text{Hệ số nợ (Hv)} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Hệ số nợ càng cao chứng tỏ khả năng độc lập của doanh nghiệp về mặt tài chính càng kém.

Hệ số của doanh nghiệp tiến sát đến 1 chứng tỏ doanh nghiệp có số nợ lớn hơn vốn tự có, dẫn đến tình trạng kho khăn, bị động khi chủ nợ đòi thanh toán.

Hệ số nợ < 1 quá nhiều tức là doanh nghiệp chưa tận dụng hết cơ hội chiếm dụng vốn .

- Hệ số vốn chủ sở hữu: (tỷ suất tự tài trợ)

Hệ số vốn chủ sở hữu hay tỷ suất tự tài trợ là chỉ tiêu tài chính đo lường sự góp vốn của chủ sở hữu trong tổng số vốn hiện có của doanh nghiệp .

$$\text{Hệ số vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Tỷ suất tự tài trợ cho thấy mức độ tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh của mình .

Tỷ suất tự tài trợ càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có , tính độc lập cao so với các chủ nợ . Do đó không bị ràng buộc hoặc chịu sức ép

- Hệ số cơ cấu tài sản :

phản ánh mức độ đầu tư vào các loại tài sản của doanh nghiệp bao gồm

$$\text{Tỷ suất đầu tư TSNH} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\text{Tỷ suất đầu tư TSDH} = \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

3.3.3 Nhóm hệ số về hiệu suất hoạt động .

Là các hệ số đánh giá mức độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

- Số vòng quay hàng tồn kho :

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng Bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ . Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao . Muốn làm được như vậy thì cần phải rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh , đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hóa .

- Kỳ thu tiền bình quân :

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{số dư bình quân các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu bình quân}}$$

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi các khoản phải thu.

Tuy nhiên kỳ thu tiền trung bình cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể kết luận chắc mà phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như : mục tiêu mở rộng thị trường , chính sách tín dụng doanh nghiệp .

Trong phân tích tài chính , kỳ thu tiền bình quân được sử dụng để đánh giá khả năng thu tiền trong thanh toán trên cơ sở các khoản phải thu và doanh thu bình quân ngày . Các khoản phải thu lớn hay nhỏ phụ thuộc vào chính sách thương mại của doanh nghiệp và các khoản trả trước .

- Vòng quay tài sản hay vòng quay toàn bộ vốn

$$\text{Vòng quay tài sản hay toàn bộ vốn trong kỳ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số tài sản hay vốn kinh doanh bình quân}}$$

Vòng quay toàn bộ vốn phản ánh vốn của doanh nghiệp trong kỳ quay được bao nhiêu vòng .

Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản doanh nghiệp đã đầu tư . Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao .

3.3.4 Nhóm hệ số sinh lời

- *Hệ số lãi ròng :*

$$\text{Tỷ suất LNST/DT} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- *Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (ROAe)*

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của tài sản hay vốn kinh doanh không tính đến ảnh hưởng của thuế thu nhập và nguồn gốc của vốn kinh doanh .

$$\text{ROAe} = \frac{\text{Lợi nhuận trước lãi vay và thuế}}{\text{Tài sản hay vốn kinh doanh bình quân}}$$

Lợi nhuận sau thuế trong báo cáo kết quả kinh doanh phân lỗ lãi , còn giá trị tổng tài sản là giá trị tài sản trong bảng cân đối kế toán tại các điểm của kỳ phân tích .

- *Tỷ Suất lợi nhuận trước thuế trên vốn kinh doanh :*

$$\text{Tỷ suất LNTT/VKD} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

- *Tỷ suất sinh lời ròng của tài sản (ROA)*

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh}}$$

- *Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE)*

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

- *Thu nhập một cổ phần (EPS)*

$$\text{Thu nhập một cổ phần} = \frac{\text{LNST} - \text{Cổ tức trả cho cổ đông ưu đãi}}{\text{Tổng số cổ phần thường đang lưu hành}}$$

- *Hệ số trả cổ tức :*

Chỉ tiêu này phản ánh công ty đã dành ra bao nhiêu phần trăm thu nhập để trả cho các cổ đông .

$$\text{Hệ số trả cổ tức} = \frac{\text{Lợi tức một cổ phần thường}}{\text{Tổng số cổ phần thường đang lưu hành}}$$

3.3.5 Phân tích các tỷ lệ thanh toán

- *Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn*

$$\text{tỷ lệ thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản lưu động \& đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ phải trả ngắn hạn}}$$

Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn cho ta biết doanh nghiệp có bao nhiêu đồng tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn để đảm bảo cho 1 đồng nợ ngắn hạn .

Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn càng cao thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng được tin tưởng , ngược lại tỷ lệ thanh toán càng thấp thì khả năng thanh toán khó mà tin tưởng được . Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn thông thường được chấp nhận xấp xỉ là 2.0

- Tỷ lệ thanh toán nhanh

$$\text{Tỷ lệ thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ phải trả ngắn hạn}}$$

Tỷ lệ thanh toán thanh toán nhanh cho biết doanh nghiệp có bao nhiêu đồng vốn bằng tiền và các khoản tương đương tiền để thanh toán ngay cho một đồng nợ ngắn hạn .

Tỷ lệ thanh toán nhanh càng cao thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao và ngược lại , tỷ lệ thanh toán càng thấp thì khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp khó mà tin tưởng được, thông thường tỷ lệ thanh toán chấp nhận xấp xỉ là 1

- Tỷ lệ thanh toán bằng tiền

$$\text{Tỷ lệ thanh toán bằng tiền} = \frac{\text{Vốn bằng tiền}}{\text{Nợ phải trả ngắn hạn}}$$

Tỷ lệ thanh toán bằng tiền cho biết doanh nghiệp có bao nhiêu đồng vốn bằng tiền để sẵn sàng thanh toán cho một đồng nợ ngắn hạn .

Tỷ lệ thanh toán bằng tiền càng cao thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng được tin tưởng và ngược lại tỷ lệ thanh toán càng thấp thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp khó mà tin tưởng được . Tỷ lệ thanh toán bằng tiền thường được chấp nhận xấp xỉ 0,5

- Tỷ lệ thanh toán lãi vay

$$\text{Hệ số thanh toán lãi nợ vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{Lãi nợ vay}}{\text{Lãi nợ vay}}$$

Hệ số thanh toán lãi nợ vay cho biết khả năng đảm bảo chi trả lãi nợ vay của doanh nghiệp . Đồng thời chỉ tiêu tài chính này cũng chỉ ra khả năng tài chính mà doanh nghiệp tạo ra để trang trải cho chi phí vay vốn trong sản xuất kinh doanh .

Hệ số thanh toán lãi vay càng lớn , thông thường lớn hơn 2 thì khả năng thanh toán lãi nợ vay của doanh nghiệp tích cực hơn , và ngược lại hệ số thanh toán lãi vay càng thấp thì khả năng thanh toán lãi nợ vay của doanh nghiệp thấp

3.3.6 Phân tích khả năng luân chuyển vốn .

- Luân chuyển hàng tồn

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Tổng giá vốn hàng bán trong kỳ}}{\text{Giá vốn hàng tồn kho bình quân}}$$

$$\text{Số ngày của một vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

Đối với một đơn vị sản xuất , nguyên vật liệu là một bộ phận hàng tồn kho lớn nhất ảnh hưởng đến quyết định luân chuyển hàng tồn kho

- Luân chuyển nợ phải thu

$$\text{Số ngày của một vòng quay nợ phải thu} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}{\text{Số vòng quay nợ phải thu}}$$

3.3.7 Phân tích khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Doanh thu}}$$

Chỉ tiêu này cho biết với một đồng doanh thu sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Nó chỉ ra mối quan hệ giữa doanh thu và lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản ngắn hạn

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Giá vốn tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản ngắn hạn cho biết một đồng tài sản ngắn hạn doanh nghiệp sử dụng tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận, thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại doanh nghiệp.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Vốn cố định sử dụng bình quân trong kỳ}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định cho ta biết một đồng vốn cố định doanh nghiệp sử dụng tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn cố định tại doanh nghiệp.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Giá trị tài sản sử dụng bình quân trong kỳ}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản cho biết một đồng tài sản doanh nghiệp sử dụng trong hoạt động tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận, thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản chung toàn doanh nghiệp.

4 . Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

4.1 Nhân tố khách quan

❖ Bản thân khách hàng vay vốn là rất đa dạng và nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, quy mô hoạt động khác nhau ... đều ảnh hưởng lớn đến chất lượng phân tích của ngân hàng.

- Lĩnh vực kinh doanh : với những ngành nghề khác nhau thì đặc trưng của từng ngành đó khác nhau, cho nên đối với các chỉ tiêu tài chính của mỗi ngành mỗi nhóm khách hàng là khác nhau và cũng có những mức chuẩn khác nhau do đó không thể áp dụng chuẩn của ngành này cho ngành khác để phân tích để phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh. Chẳng hạn đối với doanh nghiệp sản xuất và những doanh nghiệp dịch vụ thì chỉ tiêu về khả năng hoạt động tài sản cố định sẽ là khác nhau, ở doanh nghiệp sản xuất thì chỉ tiêu về khả năng hoạt động của tài sản là cao hơn trong đó doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thì các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn sẽ phải được quan tâm hơn.

- Nhóm khách hàng khác nhau do đó cũng gây khó khăn cho Ngân hàng, vì những nhóm khách hàng khác nhau thì mức độ phức tạp của các báo cáo tài chính là khác nhau. Ví dụ: như doanh nghiệp Nhà nước so với Công ty tư nhân, góc độ phân

tích là khác nhau , các chỉ tiêu quan tâm được chú trọng cũng khác nhau . Mặt khác đối với mỗi nhóm khách hàng như khách hàng là các doanh nghiệp , hộ kinh doanh ... thì sẽ gây khó khăn cho Ngân hàng . Với những nhóm khách hàng có số liệu phức tạp , cán bộ tín dụng càng phải cần thiết phải sử dụng hết số liệu , tìm mối liên quan và lời giải thích giữa các chỉ tiêu . Với những nhóm khách hàng có báo cáo tài chính nhiều thông số phức tạp thì đều quan trọng hơn là bóc tách những chỉ tiêu quan trọng , tìm được mối liên quan giữa chúng và từ đó nêu bật được tình hình tài chính hiện tại của khách hàng .

- Thời hạn của khoản vay mà Ngân hàng sẽ chú trọng đến các khía cạnh khác nhau của tình hình tài chính khách hàng . Chẳng hạn với các khoản vay ngắn hạn , các chỉ tiêu về khả năng thanh toán , cơ cấu vốn cũng như các nguồn có thể đáp ứng cho việc trả nợ trong ngắn hạn sẽ được Ngân hàng quan tâm hơn , vì nó ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của doanh nghiệp . Trong khi đó , với các khoản cho vay trung và dài hạn , thì Ngân hàng lại đề cao các chỉ tiêu về khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của khách hàng vì trong dài hạn chính lợi nhuận và vững mạnh về tài chính mới là yếu tố đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng.

❖ Độ chính xác của các báo cáo tài chính : đây là nhân tố đóng vai trò quyết định độ chính xác của nội dung phân tích tài chính vì toàn bộ việc phân tích tài chính được thực hiện căn cứ vào số liệu trong báo cáo này . Các báo cáo mà không sát thực thì dẫn đến những quyết định sai lầm . Vì thế , việc kiểm tra lại độ chính xác , phù hợp với báo cáo tài chính là hết sức cần thiết , công sức của người cán bộ không lãng phí .

- Ngoài ra các nhân tố khác như công nghệ tin học , môi trường kinh tế , xã hội và pháp luật cũng gây ra những ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng phân tích tài chính khách hàng . Việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cho việc tính toán được chính xác hơn, không phức tạp , gây lộn xộn không đáng có ,tiết kiệm thời gian sức lực . Thông qua hệ thống máy tính ,Ngân hàng có thể lưu giữ , cập nhật những thông tin mới nhất và cần thiết một cách nhanh chóng.

- Các văn bản pháp luật , quy định cũng buộc công tác phân tích , đánh giá phải tuân thủ các bước , các chuẩn mực của toàn ngành và từng ngành của Ngân hàng . Chính những yếu tố này đã tạo ra những thông tin phản hồi của khách hàng .

4.2 Nhân tố chủ quan

❖ Nhân tố con người :

Đó là năng lực và trình độ nghiệp vụ , nhận thức , đạo đức , kinh nghiệm của cán bộ tín dụng trong quá trình đánh giá tài chính khách hàng . Kết quả của việc đánh giá khách hàng phụ thuộc rất lớn vào yếu tố này . Trong những tình huống cụ thể nó đòi hỏi cán bộ tín dụng phải có độ nhạy, kinh nghiệm thực tế cùng những hiểu biết sâu rộng mới giải quyết thấu đáo được vấn đề . Ngoài ra , nó đòi hỏi người phân tích phải có một mức độ độc lập nhất định mới cho ra những đánh giá khách quan về khách hàng . Cán bộ tín dụng phải có đạo đức nghề nghiệp tốt , không vì mục đích cá nhân mà làm hại đến Ngân hàng . Vì vậy, để nâng cao chất lượng của việc phân tích thẩm định khách hàng , Ngân hàng phải thường đào tạo và đào tạo lại cán bộ Ngân hàng cả về năng lực ,trình độ và đạo đức nghề nghiệp .

❖ Chính sách tín dụng của Ngân hàng

Đây được coi là nhân tố mang tính chiến lược . Ngân hàng luôn phải xác định được một chính sách tín dụng hợp lý trong từng thời kỳ khác nhau. Thực chất và thực hiện đúng quy trình về phân tích , đánh giá khách hàng . Tránh trường hợp quá vì mục tiêu lợi nhuận của ngân hàng mà lơ là việc phân tích đánh giá khách hàng .

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

1. Giới thiệu về công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí đình vũ

Tên giao dịch trong nước : Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Tên giao dịch quốc tế : DINH VU PETROLEUM SERVICES PORT J.S.C

Tên viết tắt : PTSC DINH VU

Địa chỉ : Lô CN 2.1 – Khu Công nghiệp Đình Vũ , phường Đông Hải II ,
quận Hải An , thành phố Hải Phòng –Việt Nam

Tel : (+84) 031 3979 710

Fax : (+84) 031 3979 712

Website: <http://ptscdinhvu.com.vn>

Email : ptscdv@ptscdinhvu.com.vn

Giấy phép thành lập số : 0203003372

Ngày cấp phép : 10/08/2007

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, “lấy quan điểm phát triển cảng hướng ra biển làm mục đích chủ đạo để xây dựng các cảng biển lớn, cảng cửa ngõ, cảng nước sâu hiện đại làm động lực cho phát triển vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời đáp ứng khả năng cạnh tranh với các cảng biển khu vực trong quá trình hội nhập quốc tế” ; đồng thời thuận theo xu thế hoà nhập với nền kinh tế thị trường thế giới sau khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế WTO, Tập đoàn Dầu khí đã đề ra chiến lược phát triển dài hạn nhằm xây dựng Ngành Dầu khí thành một tập đoàn kinh tế mạnh, đa ngành.

Thực hiện chiến lược phát triển cung cấp dịch vụ dầu khí ở khu vực phía Bắc của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, ngày 27/03/2007 Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) đã ký kết Hợp đồng giữ đất với Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ về việc thuê toàn bộ khu đất 13,9 ha

CN2.1 đề đầu tư xây dựng Căn cứ Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp tại Khu Công nghiệp Đình Vũ .

Trên cơ sở đó, ngày 27/7/2007, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí ra Nghị quyết số 209/NQ-DVKT-HĐQT thông qua việc thành lập Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Đình Vũ). Ngày 03/08/2007 PTSC Đình Vũ chính thức được thành lập tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty. Dự án đầu tư “Xây dựng cầu cảng phục vụ KCN Đình Vũ và dịch vụ Dầu khí tổng hợp” được PTSC Đình Vũ tiến hành đầu tư và xây dựng từ tháng 01/2008 và cơ bản hoàn thiện vào tháng 5/2009.

Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí đình vũ – ptsc đình vũ hiện nay là doanh nghiệp cổ phần trực thuộc tổng công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí việt nam (PTSC) , được thành lập với mục đích đầu tư và quản lý khai thác dự án “đầu tư xây dựng cầu cảng phục vụ khu công nghiệp đình vũ và dịch vụ dầu khí tổng hợp” tại khu công nghiệp đình vũ , quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật việt nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh ; thực hiện chế độ hoạch toán kinh tế độc lập ; có con dấu riêng , được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định pháp luật ; tổ chức , hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và luật doanh nghiệp .

1.2 Chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp

a. Lĩnh vực kinh doanh của công ty :

- Kinh doanh cảng biển,
- Vận hành, khai thác cụm cảng container
- Các dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí;
- Cung cấp dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ vận tải;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê xe, máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải các phương tiện nội;
- Phân phối các sản phẩm xăng dầu, phân bón, khí đốt;
- Giao nhận vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ phục vụ hoạt động dầu khí ở khu vực phía Bắc...

b. Chức năng và Nhiệm vụ

- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị , dịch vụ xây lắp, dịch vụ vận tải, dịch vụ bảo dưỡng – vận hành phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí
- Buôn bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu, nhiên liệu phục vụ các dự án thăm dò, khai thác dầu khí.
- Thực hiện các đầu tư dự án liên quan nhằm tăng hiệu quả công tác tìm kiếm thăm dò, phát triển khai thác các mỏ dầu khí, khai thác, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí.

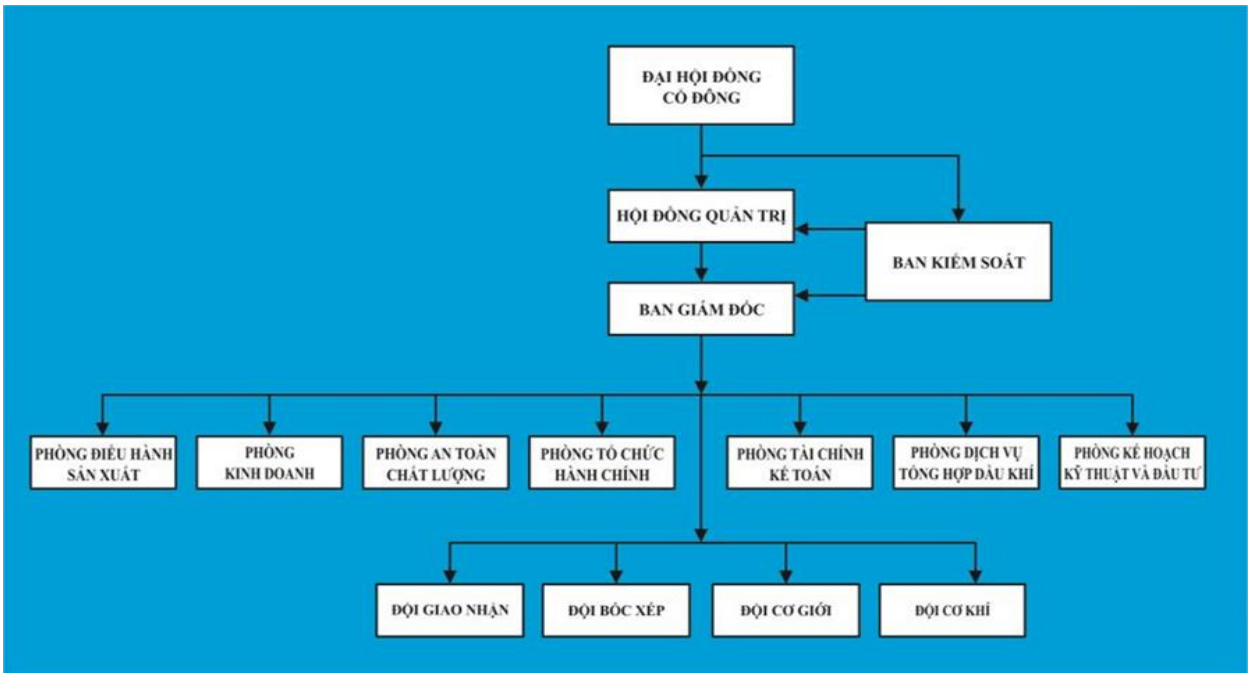
c. Ngành nghề

Nghành nghề kinh doanh , công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển , dịch vụ dầu khí , vận tải , xăng dầu , khí hóa lỏng , khách sạn và một số lĩnh vực khác .

Đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững.

1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí đình vũ

a. Sơ đồ tổ chức



(nguồn Website: <http://ptsedinhv.com.vn>)

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

+ *Ưu điểm của mô hình :*

- *Tuân thủ nguyên tắc một thủ trưởng*
- *Tạo ra sự thống nhất tập trung cao độ*
- *Chế độ trách nhiệm rõ ràng*
- *Tạo ra sự phối hợp rẽ ràng giữa các phòng ban*

+ *Nhược điểm :*

- *Đòi hỏi nhà quản trị phải có kiến thức toàn diện*

b. Chức năng và trách nhiệm của các phòng ban trong công ty

❖ Hội đồng quản trị

Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

Quyết định mua lại cổ phần

Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu

Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

❖ *Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

❖ *Giám đốc :*

Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị

Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

Tuyển dụng lao động;

Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

❖ *Ban kiểm soát* :

Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Kiểm tra bất thường: Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu.

Can thiệp vào hoạt động công ty khi cần: Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả .

1.4 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

a. Thuận lợi

- ✓ *Thừa hưởng thương hiệu PTSC*: Có lịch sử hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay PTSC đã trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp hàng đầu cả nước và đang từng bước khẳng định vị thế trên trường quốc tế.
- ✓ *Thương hiệu PTSC đã tạo được vị thế vững chắc, là đối tác tốt, đáng tin cậy của rất nhiều khách hàng / đối tác lớn trong nước và nước ngoài.*
- ✓ *PTSC cũng thường xuyên nhận được hỗ trợ từ các chính sách của nhà nước và tập đoàn PVN.*
- ✓ *Hệ thống quản lý chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường tốt*: Được nhà thầu/ khách hàng/ đối tác nước ngoài đánh giá cao khi khảo sát chấm thầu để chuẩn bị triển khai các hợp đồng dự án. Giúp ban lãnh đạo công ty thực hiện các hoạt động quản lý điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trong toàn công ty thuận tiện và dễ dàng hơn. Giúp người lao động thực hiện công việc được giao theo đúng trình tự, thủ tục đã được xây dựng và ban hành. Xác định ngăn ngừa, giảm thiểu các rủi ro, đảm bảo ngăn ngừa ô nhiễm môi trường cũng như các thương tổn hay bệnh tật giúp tránh được thiệt hại về tính mạng, tài sản, môi trường trong tất cả các hoạt động của công ty. Tạo ra mà duy trì môi trường sản xuất kinh doanh dịch vụ an toàn đảm bảo chất lượng. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng dịch vụ, cải tiến công tác quản lý trong tất cả các hoạt động của công ty.
- ✓ *Sự khác biệt hóa về sản phẩm*: ngoài chức năng là cảng tổng hợp thông thường, cảng PTSC Đình Vũ còn phải đảm nhiệm vai trò cung cấp dịch vụ căn cứ hậu cần dầu khí cho các hoạt động khoan thăm dò và khai thác tại khu vực Vịnh Bắc Bộ của các nhà thầu dầu khí, vì đến nay ở khu vực phía Bắc

chỉ có duy nhất cảng PTSC Đình Vũ là có đầy đủ điều kiện đáp ứng loại hình dịch vụ này.

- ✓ *Về vị trí địa lý:* PTSC nằm trong khu vực khu công nghiệp Đình Vũ nên có vị trí địa lý thuận lợi hơn so với một số cảng nằm phía thượng lưu như: Cảng Hải Phòng, Cảng Chùa Vẽ, Cảng Nam Hải ... do có vùng nước quay trở rộng thuận lợi cho việc tiếp nhận tàu vào, ra cảng để khai thác.
- ✓ *Về phần mềm quản lý SPM (quản lý, kiểm soát xe ra vào tự động):* Hiện cảng đang sử dụng phần mềm quản lý cảng SPM thuận tiện cho công tác quản lý, kiểm soát về thủ tục cũng như hàng hóa tại cảng, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu phục vụ ngày càng tốt .

b. Khó khăn:

- + *Về cơ sở vật chất và vị trí địa lý hạn chế:* chiều dài cầu cảng với 250m chưa đáp ứng được nhu cầu cập cảng của các tàu có chiều dài và trọng tải lớn hơn 2 vạn tấn. Sông Bạch Đằng bồi lắng nhanh, dẫn tới phải tốn chi phí nạo vét thường xuyên để tàu có mớn sâu có thể tiếp cận làm hàng.
- + *Về giá dịch vụ:* sức cạnh tranh Chưa có do chịu tác động lớn về cạnh tranh giá của các cảng mới có mức đầu tư lớn và các chiến dịch marketing như giảm giá dịch vụ, thậm chí miễn phí một số tác nghiệp...
- + *Về chất lượng dịch vụ:* Mức độ hài long của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ hiện đang cung cấp chưa cao.
- + *Về thủ tục:* Phức tạp, cơ chế chính sách chưa phù hợp với khách hàng.
- + *Về cơ sở vật chất, hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ:* Diện tích bãi hàng chật hẹp, hạn chế việc sắp đặt và lấy hàng hóa cho khách hàng, có những thời điểm quá tải. Hai cầu chân đế Liebherr có công nghệ lạc hậu hiệu quả làm hàng không cao, thời gian sử dụng lâu dài dẫn đến hư hỏng thường xuyên. Số lượng xe nâng còn thiếu, chưa đáp ứng được hết nhu cầu sản xuất. Về đặc điểm công nghệ cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật của đơn vị còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Phần mềm quản lý container chưa hiện đại và đồng bộ, chưa tiện ích cho quá trình quản lý khai

thác container. Công nghệ khai thác hiện chưa đồng bộ và hiện đại, một số cảng khác như cảng cổ phần Đình Vũ, Tân cảng Hải Phòng, Cảng Nam Hải Đình Vũ, Cảng VIP Green ... hiện đã đưa vào khai thác bằng hệ thống công dàn, cần trục dàn RTG thế hệ mới nhất có sức nâng dưới khung trục 40 tấn.

- + *Về nguồn lực, Tài chính:* Phải chịu áp lực lãi suất vốn vay lớn, vốn lưu động hạn chế, hỗ trợ tài chính từ Tổng công ty còn hạn chế Nguồn nhân lực: còn hạn chế, trình độ năng lực tại một số khâu còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Thiết bị máy móc: trang thiết bị máy móc còn thiếu và chưa hiện đại. Đối với khách hàng: Công ty chưa có chiến lược phù hợp để tìm kiếm khách hàng tiềm năng và duy trì lượng khách hàng sẵn có. Quy trình sản xuất, quy trình công nghệ của doanh nghiệp: Quy trình khai thác phù hợp với khả năng của công ty và được tham khảo, kế thừa từ một số Đơn vị Cảng lâu năm (Viconship). Năng lực quản lý của doanh nghiệp: tạm thời đáp ứng yêu cầu. Về đặc điểm lao động: cán bộ công nhân viên của đơn vị có độ tuổi trung bình tương đối trẻ trong đó tỷ lệ đã đào tạo qua hệ đại học chiếm tỷ trọng lớn nên có thể tiếp thu nhanh những yêu cầu công việc. Tuy nhiên còn thiếu cán bộ nhân viên có kinh nghiệm chuyên sâu khai thác nhất là cán bộ tổ chức sản xuất trực tiếp. Dự án đầu tư mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ 20,000 DWT đang bị kéo dài chậm tiến độ và các dự án bổ sung phương tiện xếp dỡ: QC, RTG, xe đầu kéo,... đang trong giai chuẩn bị đầu tư do nguồn vốn chủ sở hữu hạn chế. Nguồn vốn: Để đầu tư cơ vật chất, trang thiết bị hình thành nên cảng PTSC Đình Vũ bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu, PTSC Đình Vũ cũng đã phải thực hiện các khoản vay tín dụng để hoàn thành dự án cảng trong giai đoạn 2008-2009 do đó tạo áp lực lớn về chi phí lãi vay;
- + *Marketing:* Chiến lược giới thiệu, mở rộng thị trường ra các hãng tàu nước ngoài còn yếu, thiếu tính cạnh tranh và khó thuyết phục được khách hàng.
- + *Quản lý rủi ro:* Công tác tổ chức kiểm soát quản lý rủi ro trong công tác HSE đã được Công ty áp dụng trong các hoạt động SXKD của Đơn vị và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên việc quản lý rủi ro trong các lĩnh vực khác như nhân sự, tài chính, kế hoạch... mới được Công ty triển khai nên còn nhiều hạn chế...

2. Phân tích thực trạng tài chính công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

2.1 Đánh giá chung về tình hình tài chính công ty qua bảng cân đối kế toán

A . Phân tích đánh giá sử dụng tài sản của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ

Bảng 2.1 Phân tích tài sản công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ 2016-2017

ĐVT : VNĐ đồng

TÀI SẢN	Năm 2016		Năm 2017		Chênh lệch giá trị	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	+ -	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	106.613.110.024	17,33%	104.820.153.876	16,90%	-1.792.956.148	-1,68%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	26.963.011.870	4,38%	40.163.716.100	6,48%	13.200.704.230	48,96%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	69.300.974.288	11,27%	56.585.809.053	9,13%	-12.715.165.235	-18,35%
III. Hàng tồn kho	6.202.972.390	1,01%	3.561.943.851	0,57%	-2.641.028.539	-42,58%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	4.146.151.476	0,67%	4.508.684.872	0,73%	362.533.396	8,74%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	508.425.080.803	82,67%	515.269.936.032	83,10%	6.844.855.229	1,35%
I. Tài sản cố định	348.334.043.506	56,64%	321.460.640.502	51,84%	-26.873.403.004	-7,71%
1. Tài sản cố định hữu hình	348.121.821.294	56,60%	321.110.640.494	51,78%	-27.011.180.800	-7,76%
2. Tài sản cố định vô hình	212.222.212	0,03%	350.000.008	0,06%	137.777.796	64,92%
II. Tài sản dở dang dài hạn	6.003.592.042	0,98%	43.119.201.315	6,95%	37.115.609.273	618,22%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	24.049.613.122	3,91%	23.049.613.122	3,72%	-1.000.000.000	-4,16%
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	37.500.000.000	6,10%	37.500.000.000	6,05%	0	0,00%
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-13.450.386.878	-2,19%	-14.450.386.878	-2,33%	-1.000.000.000	7,43%
IV. Tài sản dài hạn khác	130.037.832.133	21,14%	127.640.481.093	20,58%	-2.397.351.040	-1,84%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	615.038.190.827	100,00%	620.090.089.908	100,00%	5.051.899.081	0,82%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Qua bảng trên , ta thấy tổng tài sản của công ty năm 2017 là 620.090.089.908 đồng , tăng lên với năm 2016 (tương ứng 0,82%), tổng tài sản của công ty tăng lên chủ yếu do tài sản dài hạn tăng .

Tài sản ngắn hạn giảm năm 2016 đến năm 2017 xuống còn 104.820.153.876 VNĐ , vì do các khoản phải thu ngắn hạn giảm , hàng tồn kho giảm .

Tiền và các khoản tương đương tiền tăng : do tiền mặt và các khoản tương đương tiền tăng năm 2016 - 2017 tiền mặt tăng 8.200.168 đồng và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn thì giảm xuống năm 2017 là 10.017.752.705 VNĐ, các khoản tương đương tiền (khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng) tăng lên . Vì tiền mặt tại quỹ tăng và công ty giảm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn xuống chuyển sang gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng tăng lên

Các khoản phải thu ngắn hạn giảm xuống : so sánh năm 2016 - 2017 giảm xuống . Vì trả trước cho người bán ngắn hạn giảm , Phải thu ngắn hạn khác giảm xuống còn 3.934.273.299 VNĐ . Do doanh nghiệp đã trả trước cho công ty Cổ Phần Đầu tư và xây dựng công trình thủy và công ty cổ phần khu công nghiệp Đình Vũ , phải thu khác giảm

Hàng tồn kho : giảm do nguyên liệu , vật liệu (xăng, dầu , ga , than ,...) giảm xuống 799.920.830 VNĐ . Công cụ , dụng cụ (máy móc , thiết bị) cũng giảm mạnh còn 2.762.023.021 VNĐ.

Tài sản dài hạn của công ty năm 2017 là 515.269.936.032 đồng , tăng (tương ứng 1,35%) . Như vậy , các dự án đầu tư của công ty đều phát huy hiệu quả , đảm bảo duy trì và phát triển vốn của các cổ đông , công ty luôn thanh toán lãi gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng đầy đủ , đúng hạn, tạo niềm tin cho các nhà tài trợ vốn .

Tài sản cố định giảm : Do tài sản cố định hữu hình giảm xuống . Do thiết bị văn phòng , phương tiện vận tải , máy móc và thiết bị , nhà cửa và vật kiến trúc đều giảm xuống

Tài sản dở dang dài hạn tăng : Năm 2016 so với năm 2017 tăng 43.119.201.315 VNĐ, do Công ty đầu tư xây dựng và các dự án . Doanh nghiệp chưa hoàn thành và bàn giao

B . Phân tích đánh giá sử dụng nguồn vốn của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ

Bảng 2.2 phân tích tình hình nguồn vốn của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ 2016 - 2017

ĐVT: VNĐ đồng

tài sản	Năm 2016		Năm 2017		Chênh lệch giá trị	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	+ -	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	190.598.632.369	30,99%	178.421.773.943	28,77%	-12.176.858.426	-6,39%
I. Nợ ngắn hạn	82.226.571.346	13,37%	85.627.529.494	13,81%	3.400.958.148	4,14%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.572.214.349	2,04%	18.318.237.889	2,95%	5.746.023.540	45,70%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	70.749.608	0,01%	162.552.553	0,03%	91.802.945	129,76%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	426.879.502	0,07%	36.792.559	0,01%	-390.086.943	-91,38%
4. Phải trả người lao động	7.634.891.833	1,24%	20.635.943.619	3,33%	13.001.051.786	170,28%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.367.615.474	0,22%	1.280.722.816	0,21%	-86.892.658	-6,35%
6. Phải trả ngắn hạn khác	3.910.342.130	0,64%	3.005.060.661	0,48%	-905.281.469	-23,15%
7. Vay và nợ ngắn hạn	54.686.510.104	8,89%	41.787.712.407	6,74%	-12.898.797.697	-23,59%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.557.368.346	0,25%	400.506.990	0,06%	-1.156.861.356	-74,28%
II. Nợ dài hạn	108.372.061.023	17,62%	92.794.244.449	14,96%	-15.577.816.574	-14,37%
1. Phải trả dài hạn khác	38.000.000	0,01%	38.000.000	0,01%	0	0,00%
2. Vay và nợ dài hạn	108.334.061.023	17,61%	92.756.244.449	14,96%	-15.577.816.574	-14,38%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	424.439.558.458	69,01%	441.668.315.965	71,23%	17.228.757.507	4,06%
I. Vốn chủ sở hữu	424.439.558.458	69,01%	441.668.315.965	71,23%	17.228.757.507	4,06%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	400.000.000.000	65,04%	400.000.000.000	64,51%	0	0,00%
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	10.155.240.391	1,65%	10.155.240.391	1,64%	0	0,00%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.284.318.067	2,32%	31.513.075.574	5,08%	17.228.757.507	120,61%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	615.038.190.827	100,00%	620.090.089.908	100,00%	5.051.899.081	0,82%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Từ bảng phân tích tình hình nguồn vốn ta thấy : Tổng nguồn vốn của công ty năm 2016 từ 615.038.190.827 đồng , năm 2017 là 620.090.089.908 đồng so sánh tổng nguồn vốn qua hai năm đã tăng lên 5.051.899.081 đồng (tương ứng 0,82%) . Do vốn chủ sở hữu tăng lên

Nợ phải trả năm 2017 của công ty là 178.421.773.943 đồng giảm (tương ứng 6,39%). Nguyên nhân nợ phải trả của công ty đã giảm trong tổng nguồn vốn , điều này thể hiện năm 2017 công ty đã giảm đi vay dài hạn và đi vay ngắn hạn nhiều hơn để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nợ ngắn hạn tăng : Do phải trả người bán ngắn hạn , Người mua trả tiền trước ngắn hạn Khoản phải trả người lao động đều tăng lên (năm 2016 ,phải trả người bán ngắn hạn 12.572.214.349 đ ,Người mua trả tiền trước ngắn hạn 70.749.608 đ , phải trả người lao động 7.634.891.833 đ) , (năm 2017 ,phải trả người bán ngắn hạn 18.318.237.889 đ , Người mua trả tiền trước ngắn hạn 162.552.553 đ , phải trả người lao động 20.635.943.619 đ)

Nợ dài hạn giảm : Vì khoản vay và nợ dài hạn giảm, năm 2016 so với năm 2017 giảm xuống . Do các khoản vay và nợ dài hạn tại các ngân hàng đã được trả (năm 2016, vay dài hạn 96.064.282.431 đ ,nợ dài hạn 12.269.778.592 đ), (năm 2017, vay dài hạn 84.816.975.961 đ , nợ dài hạn 7.939.268.488 đ)

Vốn chủ sở hữu tăng : Do lợi nhuận chưa phân phối tăng lên từ 14.284.318.067 đ tăng lên đến 31.513.075.574 đ .

C . Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ 2016-2017

Bảng kê phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh

ĐVT : VN đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch giá trị	
			+ -	%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.001.968.640	192.062.339.469	37.060.370.829	23,91%
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	108.337.495.575	126.589.447.425	18.251.951.850	16,85%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.664.473.065	65.472.892.044	18.808.418.979	40,31%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.956.365.363	371.796.836	-1.584.568.527	-81,00%
5. Chi phí tài chính	21.117.285.683	11.562.853.703	-9.554.431.980	-45,24%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	13.993.728.791	10.558.652.893	-3.435.075.898	-24,55%
6. Chi phí bán hàng	5.456.461.325	7.802.800.955	2.346.339.630	43,00%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.980.137.554	24.736.725.415	-243.412.139	-0,97%
8. Lợi nhuận / (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.933.046.134	21.742.308.807	24.675.354.941	-841,29%
9. Thu nhập khác	5.023.527.994	511.547.931	-4.511.980.063	-89,82%
10. Chi phí khác	523.543.851	3.363.695.450	2.840.151.599	542,49%
11. (Lỗ) / lợi nhuận khác	4.499.984.143	-2.852.147.519	-7.352.131.662	-163,38%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.566.938.009	18.890.161.288	17.323.223.279	1105,55%
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	262.823.019	661.403.781	398.580.762	151,65%
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.114.990	18.228.757.507	16.924.642.517	1297,79%
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	387	379	4737,50%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Doanh thu thuần : Năm 2017 so với năm 2016 doanh thu thuần tăng 37.060.370.829 đồng tương đương 23,91% ,doanh thu tăng do doanh thu bán hàng tăng cao , đến năm 2017 doanh thu bán hàng tăng lên là 1.133.960.649 VNĐ, Và doanh thu cung cấp dịch vụ cũng tăng không nhỏ so sánh năm 2017 là 190.928.378.820 VNĐ , đó là một thực tế rất thuận lợi trong hoạt động của công ty .

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tăng : so sánh năm 2016 - 2017 tăng lên 18.251.951.850 VNĐ tương ứng 16,85% , nguyên nhân do giá vốn của hàng hóa đã bán và giá vốn của dịch vụ đã cung cấp có chiều hướng tăng lên , giá vốn tăng lên do giá nguyên vật liệu tăng lên làm cho giá vốn tăng lên mặt khác do doanh thu tăng lên cũng làm cho giá vốn hàng bán tăng lên .

So sánh giữa doanh thu và giá vốn hàng bán : theo số liệu cả doanh thu và giá vốn đều tăng lên nhưng tốc độ tăng của giá vốn chậm hơn tốc độ tăng doanh thu điều đó cho thấy doanh nghiệp hoạt động tương đối hiệu quả .

Chi phí tài chính : của công ty giảm xuống do các khoản lãi tiền vay , Lỗ chênh lệch tỷ giá và dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư đều giảm xuống dẫn đến chi phí tài chính của công ty giảm .

Chi phí bán hàng tăng lên : vì khoản lương nhân viên bán hàng tăng lên năm 2016 đến năm 2017 tăng lên thành 5.085.512.044 VNĐ , chi phí khác cũng tăng nhẹ do đó chi phí bán hàng tăng .

So sánh doanh thu và chi phí bán hàng của công ty , doanh thu tăng lên và chi phí cũng tăng lên , đó là một hiện tượng k tốt đối với doanh nghiệp khi chi phí công ty bỏ ra tăng nhưng doanh thu cũng tăng lên , chứng tỏ công ty đang kinh doanh không đạt hiệu quả

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2016 so 2017 tăng Lợi nhuận tăng cao do chi phí sử dụng ở mức tối ưu , để đạt được lợi nhuận và luôn hoàn thành

vượt mức kế hoạch , các bộ phận của công ty không ngừng cải thiện và thực hiện tốt nhiệm vụ mà bộ phận đó đang đảm nhiệm .

Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp năm 2017 là 18.228.757.507 đồng , (tương đương 1297,79%). Nguyên nhân do năm 2017 là một năm với nhiều thăng trầm của thị trường vận tải cùng sự biến động kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, bằng sự nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty . Công ty vẫn được duy trì và đạt hiệu quả cao .

Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng với tốc độ khá lớn , điều này chứng tỏ sau khi mở rộng sản xuất thì việc kinh doanh ngày càng có hiệu quả . Doanh nghiệp cần phát huy và nâng cao hơn nữa để doanh nghiệp có thể tối đa hóa lợi nhuận .

2.2 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính đặc trưng của công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Bảng 2.4 a Tình hình tài chính :

ĐVT: VND đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -	% tăng , giảm
1	Tổng giá trị tài sản	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081	0,82
2	Doanh thu thuần	155.001.968.640	192.062.339.469	37.060.370.829	23,91
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.933.046.134	21.742.308.807	24.675.354.941	-841,29
4	Lợi nhuận khác	4.499.984.143	-2.852.147.519	-7.352.131.662	-163,38
5	Lợi nhuận trước thuế	1.566.938.009	18.890.161.288	17.323.223.279	1105,55
6	Lợi nhuận sau thuế	1.304.114.990	18.228.757.507	16.924.642.517	1297,79
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	387	379	4737,50

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Từ bảng tình hình tài chính trên ta thấy tổng giá trị tài sản năm 2017 so với 2016 tăng 0,82% . Doanh thu thuần năm 2017 cũng tăng lên tương ứng 23,91%

Lãi cơ bản trên cổ phiếu Đối với các Công ty cổ phần chỉ tiêu liên quan đến cổ phiếu có vai trò quan trọng, vì phản ánh được tình trạng tài chính của doanh nghiệp (DN), ảnh hưởng đến nhiều đối tượng liên quan. thể hiện mức sinh lời của cổ phiếu điều tư khi các các cổ đông đầu tư thì sẽ nhận được bao nhiêu lãi

Bảng 2.4 b các chỉ tiêu về khả năng thanh toán :

stt	Các chỉ tiêu	2016	2017	+ -	%
1	Tổng tài sản	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081	0,82%
2	Tổng nợ phải trả	190.598.632.369	178.421.773.943	-12.176.858.426	-6,39%
3	Nợ ngắn hạn	82.226.571.346	85.627.529.494	3.400.958.148	4,14%
4	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.963.011.870	40.163.716.100	13.200.704.230	48,96%
5	Hàng tồn kho	6.202.972.390	3.561.943.851	-2.641.028.539	-42,58%
6	Tài sản ngắn hạn	106.613.110.024	104.820.153.876	-1.792.956.148	-1,68%
7	Hệ số thanh toán tổng quát = (1/2)	3,23	3,48	0,25	7,70%
8	Hệ số thanh toán hiện thời = (6/3)	1,30	1,22	-0,07	-5,59%
9	Hệ thanh toán nhanh = (6-5)/3	1,22	1,18	-0,04	-3,16%
10	Hệ số thanh toán tức thời = (4/3)	0,33	0,47	0,14	43,04%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Từ bảng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ta thấy, chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2017 so với năm 2016 giảm

Hệ số thanh toán hiện thời năm 2016 so với năm 2017 giảm xuống còn 1,220549824 VNĐ ; Hệ số thanh toán nhanh cũng giảm xuống 1,182542701 VNĐ. Tỷ lệ tăng của các khoản nợ thấp hơn so với tỷ lệ tăng của tổng tài sản . Nhưng thực tế lại chứng minh điều ngược lại , các khoản nợ của công ty rất lớn trong khi tài sản của công ty không đáng kể để đảm bảo cho các khoản vay đó.

Bảng 2.4 C Chỉ tiêu về Cơ cấu tài sản :

stt	Các chỉ tiêu	2016	2017	+ -	%
1	Tổng tài sản	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081	0,82%
2	Tài sản ngắn hạn	106.613.110.024	104.820.153.876	-1.792.956.148	-1,68%
3	Tài sản dài hạn	508.425.080.803	515.269.936.032	6.844.855.229	1,35%
4	Hệ số cơ cấu tài sản				
4a	Tỷ suất đầu tư TSNH = (2/1)	0,137	0,169	-0,004	-2,48%
4b	Tỷ suất đầu tư TSDH = (3/1)	0,827	0,831	0,004	0,52%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Hệ số cơ cấu tài sản , tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản (cơ cấu tài sản ngắn hạn) giảm đi 0,004 VNĐ tương ứng (2,48%) ; tài sản dài hạn trên tổng tài sản (cơ cấu tài sản dài hạn) tăng lên là 0,004 VNĐ tương ứng 0,52%

Bảng 2.5 Hệ số cơ cấu tài chính

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	+ -
1	Nợ phải trả	190.598.632.369	178.421.773.943	-12.176.858.426
2	Tổng nguồn vốn	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081
3	Vốn chủ sở hữu	424.439.558.458	441.668.315.965	17.228.757.507
4	Tổng số nợ	190.598.632.369	178.421.773.943	-12.176.858.426
5	Tài sản dài hạn	508.425.080.803	515.269.936.032	6.844.855.229
	Hệ số nợ : $H_v(\%)$ = $(1/2) \times 100$	30,99%	28,77%	-2,22%
	Hệ số vốn chủ sở hữu : $H_c(\%)$ = $(3/2) \times 100$	69,01%	71,23%	2,22%
	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (%) = $(4/3) \times 100$	44,91%	40,40%	-4,51%
	Tỷ suất tự tài trợ TSDH (%) = $(3/5) \times 100$	83,48%	85,72%	2,23%

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Hệ số nợ và Hệ số vốn chủ sở hữu : năm 2016 trong 100 đồng vốn kinh doanh chiếm 69,01% đồng vốn chủ và 30,99% đồng vốn vay , năm 2017 trong 100 đồng vốn kinh doanh chiếm 71,23% đồng vốn chủ 28,77% đồng vốn vay . Hệ số nợ của công ty giảm đi 2,22% Hệ số vốn chủ sở hữu tăng

2,22% ,Doanh nghiệp tương đối tự chủ về tài chính , do đó không bị ràng buộc hoặc sức ép nhiều từ các khoản nợ vay

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2017 so với năm 2016 giảm (tương ứng 4,51%)

Tỷ suất tự tài trợ tài sản dài hạn tăng chủ yếu dựa trên việc tài sản cố định tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng , và các khoản phải thu dài hạn giảm

Bảng 2.6 Chỉ số hoạt động của công ty

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	+ -
1	Giá vốn hàng bán		108.337.495.575	126.589.447.425	18.251.951.850
2	Hàng tồn kho bình quân		11.586.735.000	4.882.458.121	-6.704.276.879
3	360 ngày		360	360	0
4	Doanh thu thuần		155.001.968.640	192.062.339.469	37.060.370.829
5	Các khoản phải thu bình quân		90.348.132.724	62.943.391.671	-27.404.741.054
6	Tổng tài sản bình quân		662.055.318.087	307.519.095.414	-354.536.222.673
7	Hàng tồn kho	16.970.497.609	6.202.972.390	3.561.943.851	-2.641.028.539
8	Các khoản phải thu	111.395.291.160	69.300.974.288	56.585.809.053	-12.715.165.235
9	Tổng tài sản	709.072.445.346	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081
10	Số vòng quay HTK (vòng) = (1/2)		9,35	25,93	16,5772691
11	Số ngày một vòng quay hàng tồn kho (vòng) = (3/10)		38,5	13,88	-24,62
12	Vòng quay các khoản phải thu (vòng) = (4/5)		1,72	3,05	1,34
13	Kỳ thu tiền trung bình (vòng) = (3/12)		209,84	117,98	-91,86
14	Vòng quay vốn Lưu động (vòng) = (4/5)		1,72	3,05	1,34
15	Vòng quay toàn bộ vốn (lần) = (4/9)		0,25	0,31	0,06

(Nguồn : Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

Số vòng quay hàng tồn kho là một chỉ tiêu khá quan trọng trong việc đánh giá tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất cho đến khi tiêu thụ sản phẩm. Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ, chỉ tiêu này càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho, tăng khả năng thanh toán.

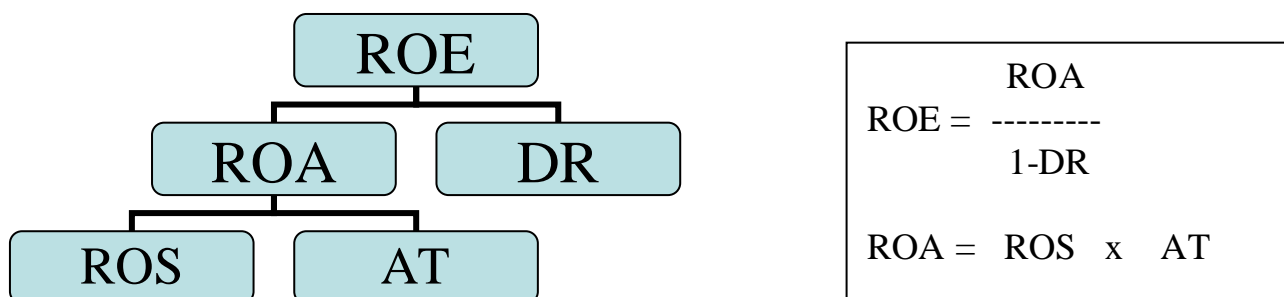
Năm 2017 số vòng quay hàng tồn kho của công ty là 25,93 vòng tăng lên so với năm 2016 là 9,35 vòng. Việc hàng tồn kho quay được nhiều vòng trong kỳ rất tốt. Khả năng giải quyết hàng tồn kho của Công ty trong năm 2017 khá tốt

Vốn lưu động ròng của doanh nghiệp tăng lên, vốn lưu động ròng càng lớn tức là khe hở kỳ hạn càng lớn. Doanh nghiệp nên dùng vốn dài hạn để đầu tư tài sản dài hạn và vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản ngắn hạn.

3. Phân tích khả năng sinh lợi bằng phương pháp Dupont

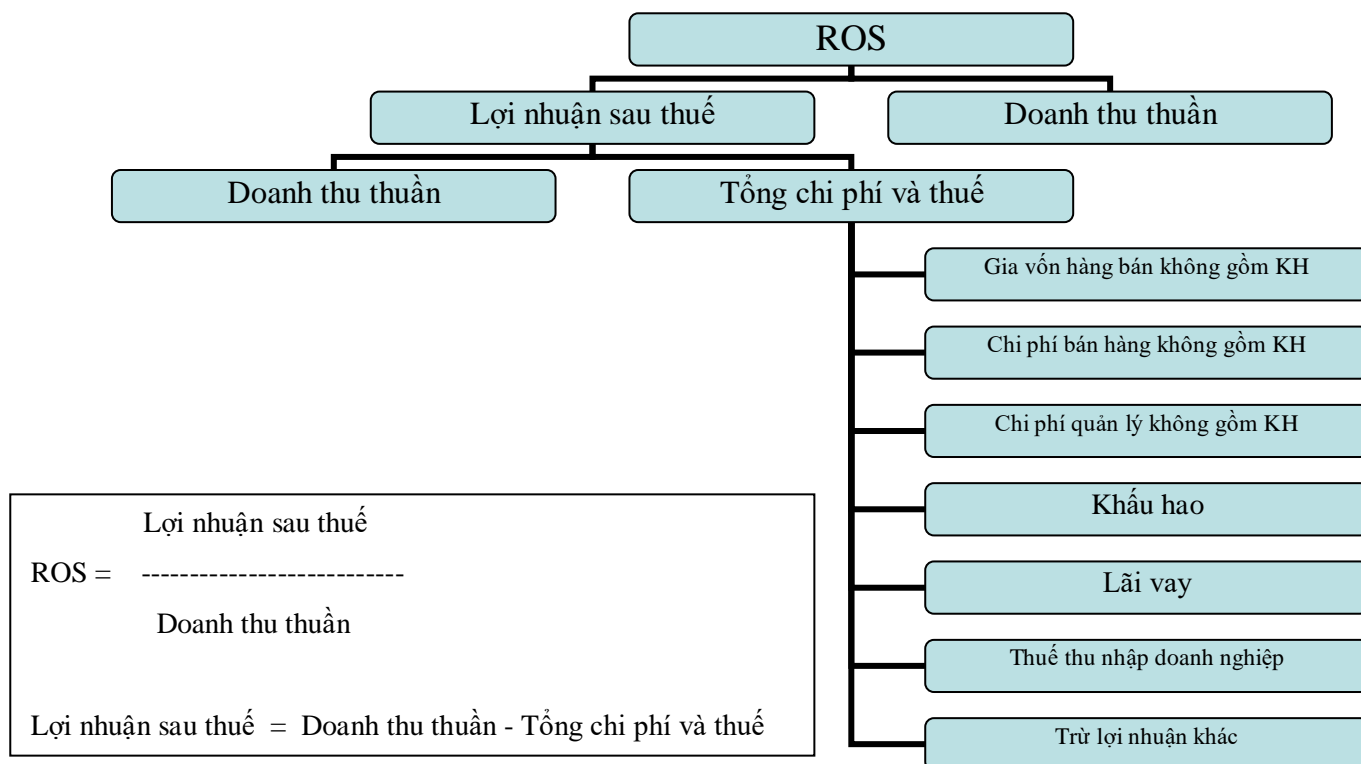
** Phân tích Dupont : là kỹ thuật phân tích bằng cách tách một tỷ số tổng hợp phản ánh mức sinh lời của doanh nghiệp như : ROA và ROE thành tích số của chuỗi các tỷ số có mối quan hệ nhân quả với nhau từ đó phân tích sự ảnh hưởng, đánh giá tác động của từng yếu tố liên kết quả cuối cùng.

Ta có sơ đồ phân tích Dupont :



sơ đồ phân tích Dupont

- Phân tích tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS)

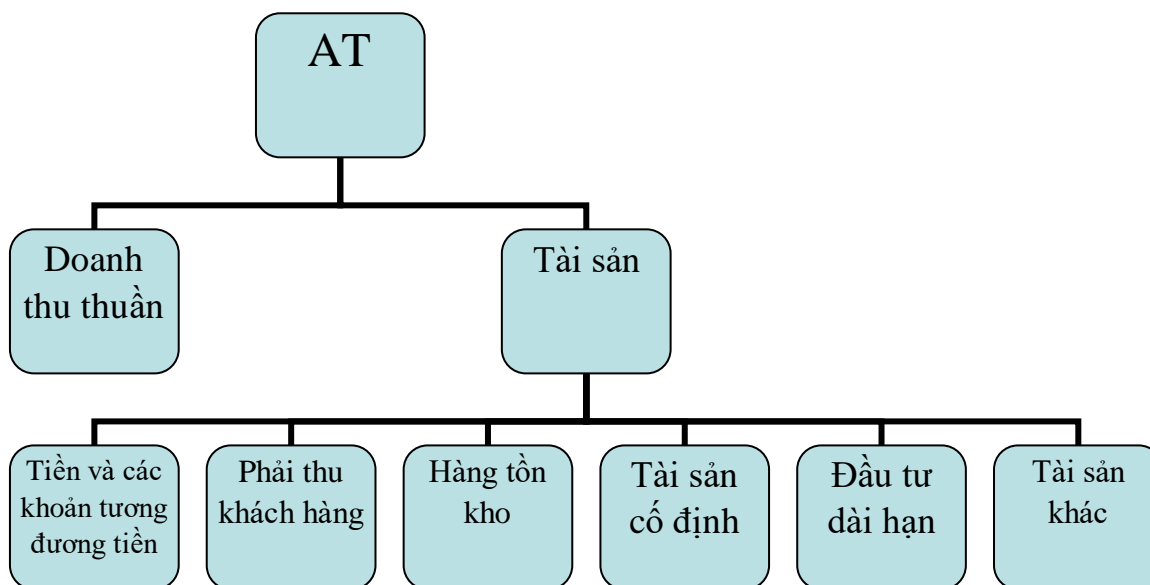


Kết quả tính tỷ số lợi nhuận trên doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -
Lợi nhuận sau thuế	1.304.114.990	18.228.757.507	16.924.642.517
Doanh thu	155.001.968.640	192.062.339.469	37.060.370.829
ROS (%)	0,84%	9,49%	8,65%

- Trong năm 2016 , tỷ số lợi nhuận trên doanh thu đạt 0,84% có xu hướng tăng đến năm 2017 tăng lên 9,49% . Mức phát triển tốt

- Phân tích vòng quay tài sản (AT)



$$AT = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản}}$$

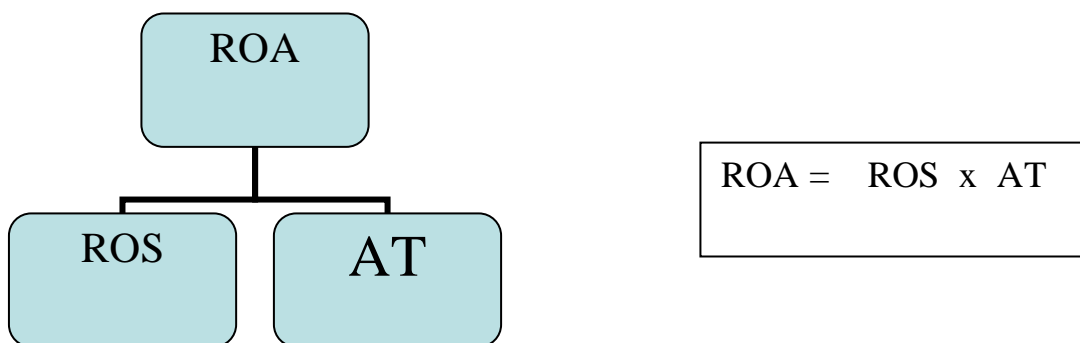
Sơ đồ 2 : vòng quay tài sản

Kết quả tính Vòng quay tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -
Doanh thu	155.001.968.640	192.062.339.469	37.060.370.829
Tổng tài sản	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081
AT (Vòng)	0,25	0,31	0,06

- Vòng quay tài sản năm 2016 -2017 tăng lên chứng tỏ rằng đồng vốn của doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả .

- Phân tích tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)



Sơ đồ 3 : lợi nhuận trên tài sản

Kết quả tính tỷ suất lợi nhuận trên tài sản

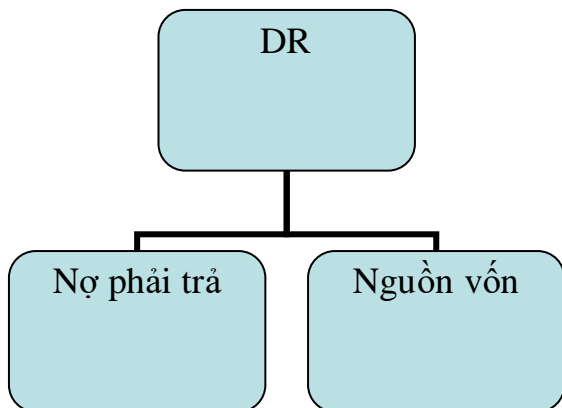
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -
ROS (%)	0,84%	9,49%	8,65%
AT (vòng)	0,25	0,31	0,06
ROA (%)	0,21%	2,94%	2,73%

Dựa vào số liệu ta thấy :

- Trong năm 2016 : ROA là 0,21% tức 100 đồng vốn đầu tư vào tài sản thì đem lại cho công ty 0,21 đồng lợi nhuận .
- tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) của năm 2017 có xu hướng tăng lên, đạt 2,94% tăng 2,73% điều này cho thấy cứ 100 đồng tài sản mà công ty đầu tư vào năm 2017 đã làm tăng 2,73 đồng lợi nhuận ---> Công ty đầu tư vốn đạt hiệu quả tốt
- Sự biến động này của ROA là do ảnh hưởng của hai nhân tố : Lợi nhuận trên doanh thu & Doanh thu trên tài sản . Vì vậy muốn ROA cao , công ty

cần kết hợp nâng cao cả hai nhân tố trên bằng cách tiết kiệm chi phí và tiết kiệm vốn sao cho đạt hiệu quả cao nhất .

- Phân tích tỷ số nợ (DR)



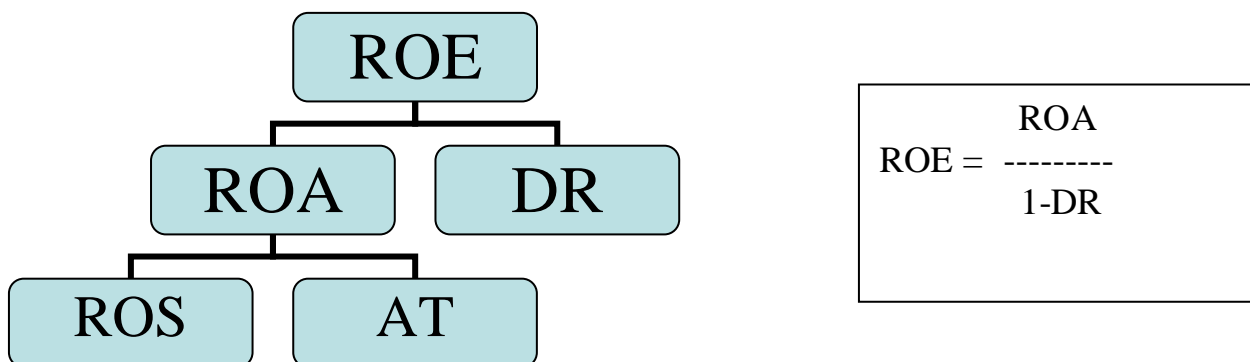
Sơ đồ 4 : tỷ số nợ

Kết quả tính tỷ số nợ

stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -
1	Nợ phải trả	190.598.632.369	178.421.773.943	-12.176.858.426
2	Tổng nguồn vốn	615.038.190.827	620.090.089.908	5.051.899.081
	DR (%) = (1/2)*100	30,99%	28,77%	-2,22%

- Năm 2017 : Tỷ số nợ của công ty là 28,77% ,tức là cứ 100 đồng tài sản của doanh nghiệp thì có 28,77 đồng tài sản được tài trợ bằng nợ

- Phân tích tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE)



Sơ đồ 5 : tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu

Kết quả tính tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -
ROA (%)	0,21%	2,94%	2,73%
1 - DR (%)	69,01%	71,23%	2,22%
ROE (%)	0,31%	4,13%	3,82%

- ROE năm 2016 đạt 0,31% tức 100 đồng vốn đầu tư của chủ sở hữu vào công ty năm 2016 đem lại 0,31 đồng lợi nhuận sau thuế
- Năm 2017 ,ROE tăng lên 4,13% so với năm 2016 điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn của chủ sở hữu năm, 2017 mang lợi nhuận cao hơn năm 2016 là 4,13 đồng . Vậy khả năng tạo lợi nhuận của vốn chủ sở hữu ngày càng tăng
- ROE năm 2017 tăng 4,1 % so với năm 2016 do tác động của 2 yếu tố :
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) & tỷ số nợ (DR)

4 . NHẬN XÉT

Bảng Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	+ -	% tăng , giảm
Chỉ tiêu Cơ cấu tài sản				
Hệ số cơ cấu tài sản				
Tỷ suất đầu tư TSNH	0,173	0,169	-0,004	-2,48%
Tỷ suất đầu tư TSDH	0,827	0,831	0,004	0,52%
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính				
Hệ số nợ : Hv (%)	30,99%	28,77%	-2,22%	
Hệ số vốn chủ sở hữu : Hc (%)	69,01%	71,23%	2,22%	
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (%)	44,91%	40,40%	-4,51%	
Tỷ suất tự tài trợ TSDH (%)	83,48%	85,72%	2,23%	
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :				
Hệ số thanh toán tổng quát	3,23	3,48	0,25	7,70%
Hệ số thanh toán hiện thời	1,3	1,22	-0,07	-5,59%
Hệ thanh toán nhanh	1,22	1,18	-0,04	-3,16%
Hệ số thanh toán tức thời	0,33	0,47	0,14	43,04%
Chỉ số hoạt động của công ty				
Số vòng quay HTK (vòng)	9,35	25,93	16,58	
Số ngày một vòng quay hàng tồn kho (vòng)	38,50	13,88	-24,62	
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	1,72	3,05	1,34	
Kỳ thu tiền trung bình (vòng)	209,84	117,98	-91,86	
Vòng quay vốn Lưu động (vòng)	1,72	3,05	1,34	
Vòng quay toàn bộ vốn (lần)	0,25	0,31	0,06	
Hệ số sinh lời				
ROS(%)	0,84%	9,49%	8,65%	
ROA (%)	0,21%	2,94%	2,73%	
ROE (%)	0,31%	4,13%	3,82%	

Qua việc phân tích tình hình tài chính của công ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ giai đoạn 2016 - 2017 , em xin nhận xét như sau :

4.1 Ưu điểm

- Hệ số nợ giảm và Hệ số vốn chủ sở hữu tăng : năm 2016 trong 100 đồng vốn kinh doanh chiếm 69,01% đồng vốn chủ và 30,99% đồng vốn vay , năm 2017 trong 100 đồng vốn kinh doanh chiếm 71,23% đồng vốn chủ 28,77% đồng vốn vay . Hệ số nợ của công ty giảm đi 2,22% Hệ số vốn chủ sở hữu tăng 2,22% , Doanh nghiệp tương đối tự chủ về tài chính , do đó không bị ràng buộc hoặc sức ép nhiều từ các khoản nợ vay

- khả năng thanh toán năm nay của doanh nghiệp tăng là tốt , do tiền năm nay của doanh nghiệp nhiều , có thể thanh toán mọi lúc

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng : Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2016 so 2017 tăng Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp năm 2017 tăng . Công ty vẫn được duy trì và đạt hiệu quả cao .

- Số vòng quay hàng tồn kho là tốt , chỉ tiêu này càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho , tăng khả năng thanh toán .

Năm 2017 số vòng quay hàng tồn kho của công ty tăng lên so với năm 2016 là 9,350131472 VNĐ. Việc hàng tồn kho quay được nhiều vòng trong kỳ rất tốt . Khả năng giải quyết hàng tồn kho của Công ty trong năm 2017 khá tốt

- Hệ số sinh lời của công ty năm nay là tốt

Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) tăng lên 2,75%: thể hiện mức sinh lợi của công ty so với tài sản tăng , vì vậy công ty đã sử dụng tài sản để kiếm lời và khả năng sử dụng tài sản của công ty đạt hiệu quả tốt

Tỷ số lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng 8,65% : phản ánh quan hệ giữa lợi nhuận ròng dành cho nhà đầu tư và doanh thu của công ty tăng cao , điều đó cho thấy ROS của công ty đạt hiệu quả .

Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu(ROE) tăng lên là 3,82% , thể hiện năng lực sử dụng đồng vốn của doanh nghiệp để sinh lợi tốt . Tỷ lệ ROE cao càng tốt . vì vậy chứng tỏ rằng công ty sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông.

4.2 Nhược điểm

Nguyên nhân do khủng hoảng kinh tế toàn cầu , nhu cầu xuất nhập khẩu giảm mạnh , lại thêm giá dầu biến động phức tạp , mà chủ yếu là tăng giá rất nhanh cho các doanh nghiệp vận tải rơi vào khó khăn chông chát .

-Hệ số cơ cấu tài sản , tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản (cơ cấu tài sản ngắn hạn) giảm đi 0,004VNĐ tương ứng (2,48%) ; tài sản dài hạn trên tổng tài sản (cơ cấu tài sản dài hạn) tăng lên là 0,004 VNĐ tương ứng 0,52%

- Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty . Các khoản thu ngắn hạn đã giảm xuống điều này là rất tốt công ty sẽ bớt bị chiếm dụng vốn nhưng các khoản phải thu ngắn hạn giảm rất ít và năm 2017 tỉ trọng trong tổng tài sản chiếm 9,13% vẫn còn cao

- Chi phí tài chính của công ty giảm năm 2016 là 21.117.285.683 VNĐ giảm xuống năm 2017 là 11.562.853.703 VNĐ. Việc chi phí này giảm đi sẽ khiến cho lợi nhuận doanh nghiệp tăng lên .

*** Nhìn chung công ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ đã thực hiện tốt các chính sách tài chính của mình , sử dụng hiệu quả nguồn vốn , kinh doanh có lãi .

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

1. Phương hướng phát triển của công ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ

1.1 Về đầu tư

Ngành nghề kinh doanh chính của Đơn vị là kinh doanh và khai thác cảng biển ; Dịch vụ đại lý và hậu cần dầu khí tổng hợp , không có hoạt động sản xuất .

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phương tiện thiết bị . Công ty đã tổ chức và theo dõi các dự án sau :

- Dự án đầu tư mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000 DWT

Công ty đã tích cực phối hợp với các nhà thầu thi công và nhà thầu tư vấn giám sát , nhà thầu thiết kế triển khai thi công xây lắp lại hiện trường . tuy nhiên tiến độ thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu do trong suốt quá trình thực hiện thi công, công trình thủy phụ thuộc nhiều vào thủy triều , còn bị ảnh hưởng thời tiết nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công .

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị :

- Dự án “ Hệ thống kiểm tra container ” : Đã hoàn thành và bàn giao đi vào hoạt động .

- Các dự án khác do nhu cầu thực tế đã tạm dừng và một số dự án được chuyển tiếp sang năm 2018 .

Kế hoạch đầu tư

Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị , phương tiện khác :

- Dự án: Mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000 DWT
- Dự án: Văn phòng làm việc và nhà vệ sinh số 02 . Nâng cấp văn phòng đội và nhà giao ca , Bãi hậu phương sau cảng . [Dự án chuyển tiếp]
- Dự án: Xe đầu kéo (02 cái) . Dự án đầu tư 01 thiết bị nâng hạ Container tuyến tiền phương và 02 thiết bị nâng hạ Container tuyến hậu phương . [Dự án chuẩn bị đầu tư và khởi công mới]

1.2 Về đào tạo lao động

Công ty luôn chú trọng thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động , xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn , đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển trong tương lai . Năm 2017 công ty đã cử 269 lượt Cán bộ công nhân viên và người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ , an toàn chất lượng ,...đạt kết quả tốt , bước đầu đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh dịch vụ của đơn vị (Cử nhân chuyên ngành luật; đào tạo nghiệp vụ kế toán ; đào tạo marketing Logistic ; đào tạo giám định container ; Nâng cao kiến thức về bảo hiểm ; tập huấn nghiệp vụ cjo người điều hành hoạt động vận tải ; đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 ; Hội thảo tập huấn phổ biến văn bản pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường , quản trị dịch vụ Logistic ; an toàn vệ sinh lao động , phòng cháy chữa cháy , tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu ,...)

Các chương trình kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp : Công ty đã xây dựng xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực , hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp , khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiết kiệm trong sản xuất .

1.3 Về các mặt hoạt động của công ty

Nhì chung , Công ty đã tập chung mọi nguồn lực để cố gắng giữ vững được thị trường , tuy nhiên với sự biến động khó lường của thị trường vận tải Container và kế hoạch thăm dò , khai thác dầu khí tại Vịnh Bắc bộ bị dừng lại nên đã ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất của đơn vị , làm sụt giảm các chỉ tiêu thực hiện của đơn vị . Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu Doanh thu - Lợi nhuận đề ra theo kế hoạch và giữ được vốn cho các Cổ đông và trả được nợ gốc theo định kỳ , tiếp tục giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh , tăng được niềm tin với khách hàng và người lao động . cụ thể :

- Tạo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động , thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động , vệ sinh môi trường , an ninh chính trị, trật tự trị an trong công ty được giữ vững .

- Ngày càng hoàn thiện bộ văn bản pháp lý , các quy chế , quy trình và quy định nội bộ để nâng cao hiệu quả quản lý .

- Duy trì kỷ luật lao động , không có tai nạn lao động nghiêm trọng , đảm bảo tốt công tác quản lý và nâng cao đời sống tinh thần cũng như vật chất của cán bộ công nhân viên và người lao động

Bên cạnh đó đơn vị vẫn còn một số hạn chế như sau :

- Việc tiếp cận thị trường đối với các hãng tàu ngoại chưa đạt hiệu quả như mong muốn do khó khăn trong việc thu xếp cầu bến . Dự án mở cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000DWT triển khai chậm trễ do vướng mắc các thủ tục pháp lý .

Việc quản lý công nợ đối với một số khách hàng đôi lúc còn chưa được chú trọng . Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm 92,13% trong tổng nợ phải thu ngắn hạn , các khoản phải thu ngắn hạn khác chiếm 7,86% trong tổng nợ phải thu ngắn hạn (giảm so với năm 2016 là 8,95%)

- Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ điều hành trực tiếp chưa có kinh nghiệm trong việc vận hành khai thác hàng container , đôi lúc còn thụ động khi giải quyết các vấn đề phát sinh trong sản xuất kinh doanh.

2. Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Công Ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ

2.1 Quản lý các khoản phải thu tại công ty

- Cơ sở của giải pháp

Nhìn vào bảng phân tích ,việc quản lý công nợ đối với một số khách hàng đôi lúc còn chưa được chú trọng. Phải thu ngắn hạn năm 2017 là 56.585.809.053 đ Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2017 chiếm 9,13% trong tổng tài sản . Phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2017 là 46.065.991.411 đồng chiếm 81,41% trong các khoản phải thu

Các khoản phải thu trong năm 2017 đã giảm đi so với năm 2016 là 12.715.165.235 đồng nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong đó các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 46.065.991.411 đồng chiếm 81,41% trong các khoản phải thu chính vì vậy doanh nghiệp cần phải quản lý các Các khoản phải thu của doanh nghiệp

- Mục tiêu :

Giảm sự chiếm dụng vốn của doanh nghiệp , thu tiền về để trả bớt các khoản vay của doanh nghiệp , cải thiện các vòng quay của các khoản phải thu

- Nội dung của giải pháp

- Giải pháp , khách hàng thanh toán đúng hạn .

➤ Gần đến hạn thanh toán công ty sẽ gọi điện hoặc gửi thư để nhắc nhở , thông báo khách hàng sắp đến hạn thanh toán .

➤ Đến hạn thanh toán mà công ty vẫn chưa thu hồi được , công ty sẽ viết công văn đòi nợ gửi cho khách hàng

➤ Nếu khách hàng thông báo thanh toán chậm (sau hạn thanh toán) từ khi KH nhận thông báo đến hạn thanh toán (gọi điện, gửi thư ,công văn) . Công ty sẽ đồng ý cho phép khách hàng thanh toán chậm không quá 10 ngày

➤ Nếu khách hàng thanh toán chậm (quá 10 ngày cho phép) , doanh nghiệp sẽ Cử người đến gặp trực tiếp khách hàng để đòi nợ hoặc ủy quyền cho người đại diện tiến hành các thủ tục pháp lý .

- Công ty nên chủ động liên hệ với khách hàng sớm để làm việc về các khoản phải thu thay vì chờ đến ngày hóa đơn hết hạn thanh toán . Điều này không chỉ giúp công ty quản lý tốt các khoản phải thu mà còn duy trì được mối quan hệ tốt với khách .

- Thực hiện chính sách thu tiền linh hoạt , mềm dẻo nhằm mục đích vừa không làm mất thị trường vừa thu hồi được các khoản nợ dầy dụa khó đòi . Bởi lẽ , trên thực tế , nếu công ty áp dụng các biện pháp quá cứng rắn thì cơ hội thu hồi nợ lớn hơn nhưng sẽ khiến cho khách hàng khó chịu dẫn đến việc họ có thể cắt đứt các mối quan hệ làm ăn với công ty . Vì vậy , hết thời hạn thanh toán , nếu khách hàng vẫn chưa trả tiền thì công ty có thể tiến hành quy trình thu hồi nợ theo các cấp độ :

+ Gọi điện , gửi thư nhắc nợ , thư khuyến nhủ hoặc thư chuyển cho cơ quan chuyên trách thu hồi giúp

+ Cử người đến gặp trực tiếp khách hàng để đòi nợ

+ Cuối cùng , nếu các biện pháp trên không thành công thì phải ủy quyền cho người đại diện tiến hành các thủ tục pháp lý .

Mặc khác, đối với các khoản nợ khách hàng cũ , công ty cần phải dứt điểm theo dõi chặt chẽ và tuân thủ theo nguyên tắc : Các khoản nợ cũ phải dứt điểm so với các khoản nợ mới phát sinh

- Chi phí dự kiến

Để thực hiện một loạt các biện pháp trên, công ty cần bỏ ra các chi phí sau . Khi ban thu nợ làm việc sẽ phát sinh các khoản chi phí như chi phí đi lại , điện thoại dự tính là 0,2% giá trị thu hồi được , chi phí khen thưởng tương ứng với tỷ lệ là 0,15% giá trị thu hồi được, Chiết khấu lại cho các khách hàng trả trước hạn với 0,25% .

Dự kiến các khoản phải thu của khách hàng thu về khoảng 40%

chi phí phải thu KH giảm 40% là 18.426.396.564 đồng

chi phí phát sinh 0,6 %

- Kết quả giả pháp

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước biện pháp	Sau biện pháp	+ -	
				Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	Đồng	192.062.339.469	192.062.339.469	0	0,00%
Số bình quân các khoản phải hu	Đồng	62.943.391.671	34.705.766.334	-28.237.625.337	-44,86%
vòng quay các khoản phải thu	Vòng	3,05	5,5	2	81,36%

(nguồn tác giả tính)

Nhận xét : Sau khi thực hiện các biện pháp thì dự kiến công ty nhận được kết quả như trên bảng . Khoản phải thu bình quân giảm 28.237.625.337 đồng , tương ứng với (44,86%) tỷ lệ , làm cho vòng quay các khoản phải thu tăng 2 vòng tương ứng 81,36% . Hệ số vòng quay các khoản phải thu càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh . Doanh nghiệp nên cố gắng tiếp tục thực hiện biện pháp để giảm các khoản phải thu .

2.2 Đầu tư thuê mở rộng mặt bằng nhằm tăng doanh thu

- Cơ cấu của giải pháp

Nhìn chung Trong năm 2017 công ty có khả năng khai thác tốt , nhiều hợp đồng được ký kết , nhưng do nhu cầu lưu kho bãi đang tăng cao, công ty đang đầu tư mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ 20000DWT để đón nhiều tàu hàng về & đi , tập trung công tác dịch vụ khai thác hàng container , và nhập thêm máy móc thiết bị mới khiến cho máy móc thiết bị dư thừa .

- Mục tiêu : Thuê mặt bằng để đầu tư , tận dụng các máy móc thiết bị dư thừa , lượng khách hàng có nhu cầu lưu kho bãi nhiều .

- Nội dung của giải pháp

Tổng chi phí ban đầu thuê cho việc đầu tư bãi mới trong vòng 15 năm là 3.021.668.000 VNĐ. Trong đó

+ Tài sản cố định là 2.421.668.000 VNĐ

○ Giá thành bãi mới : 2.021.668.000 VNĐ tương ứng với 11.000 m² (1.837.880 đồng / 1 m²)

○ Chi phí dự kiến :500 triệu

+ Tài sản lưu động : 500 triệu

Với tổng diện tích bãi chứa mới là 11.000 m² Công ty sẽ sử dụng 1000 m² làm lối đi , 10000 m² còn lại dùng để chứa các Container loại 20' và 40' . Trong đó 1000 m² dùng để chứa Container 20' và 9000 m² chứa Container 40'

DỰ KIẾN BÃI CHỨA

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Container 20'	Container 40'
1	Độ rộng (1 container)	m2	12	24
2	Diện tích chứa của bãi	m2	1000	9000
3	Tổng sức chứa của bãi	Chiếc	200	1000

Trung bình mỗi Container 20' chiếm 12 m2 và Container 40' chiếm 24 m2 theo cách xếp 1 tầng 1000 m2 chứa 70 container 20' và 9000 m2 chứa được khoảng 360 container 40' . Và theo cách sắp xếp từ 3 đến 4 tầng thì tổng sức chứa của bãi container có khả năng chứa được khoảng 200 container 20' và 1000 container 40' .

BẢNG GIÁ LƯU KHO BÃI

Loại Container	Đơn giá (đồng / container - ngày)	
	Trong 20 ngày đầu	Từ ngày thứ 21 trở đi
Container 20'	15.000	20.000
Container 40'	25.000	30.000

Dự kiến khi đi vào hoạt động với chu kỳ ra vào bãi từ 2 - 3 lượt mỗi tháng sẽ cho có khoảng :

- 140 container 20' lưu bãi trong đó :
- + có 100 container lưu bãi dưới 20 ngày (trung bình 16 ngày)
- + có 40 container lưu bãi trên 20 ngày (trung bình 23 ngày)

- 800 container 40' lưu kho trong đó có khoảng

+ 700 container lưu kho dưới 20 ngày (trung bình 14 ngày)

+ 100 container lưu kho trên 20 ngày (trung bình 22 ngày)

Doanh thu dự kiến (1 tháng) = (100 x 15.000 x 16) + (40 x 20.000 x 23)
+ (700 x 25.000 x 14) + (100 x 30.000 x 22) = 353.400.000 VNĐ

Doanh thu dự kiến (1 năm) = 353.400.000 x 12 = 4.240.800.000 (đ)

• **Công thức tính NPV (Giá trị hiện tại thuần):**

$$NPV = \sum_{t=1}^n \frac{C_t}{(1+r)^t} - C_0$$

C_0 : Chi phí đầu tư ban đầu (năm 0)

C_t : Dòng tiền thuần tại thời gian t (thường tính theo năm)

r: tỷ lệ chiết khấu

n : thời gian thực hiện dự án (thường tính theo năm)

• **Bảng tính NPV của dự án :**

Giả định

Số tiền ban đầu bỏ ra đầu tư trong vòng 15 năm là 3.021.668.000 VNĐ

chi phí là : 1.000.000.000 VNĐ

Doanh thu dự kiến : 4.240.800.000 VNĐ

tỷ lệ chiết khấu là 10% thì NPV được tính như sau :

Năm	Dòng tiền ra	Dòng tiền vào	Dòng tiền	$(1+r)^t$	NPVt
a	b	c	d = c-b	e	f = d/e
0	3.021.668.000	-	-3.021.668.000	1	-3.021.668.000
1	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,1	2.946.181.818
2	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,21	2.678.347.107
3	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,331	2.434.861.007
4	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,4641	2.213.510.006
5	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,61051	2.012.281.824
6	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,771561	1.829.347.113
7	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	1,9487171	1.663.042.830
8	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	2,14358881	1.511.857.118
9	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	2,357947691	1.374.415.562
10	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	2,59374246	1.249.468.692
11	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	2,853116706	1.135.880.629
12	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	3,138428377	1.032.618.754
13	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	3,452271214	938.744.322
14	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	3,797498336	853.403.929
15	1.000.000.000	4.240.800.000	3.240.800.000	4,177248169	775.821.754
				NPV =	21628114464,04

Nhận xét :

Nếu thực hiện theo phương pháp thì NPV dương là 21628114464,04 > 0 điều đó chứng tỏ dự án đáng được đầu tư vì nó thu được lợi nhuận lớn

➤ Kết quả sau giải pháp

Bảng 3.2 So sánh trước và sau giải pháp

Chỉ tiêu	Trước giải pháp	Sau giải pháp		%
Doanh thu (đồng)	192.062.339.469	196.303.139.469	4.240.800.000	2,21%
Lợi nhuận (đồng)	21.742.308.807	25.983.108.807	4.240.800.000	19,50%
Tổng tài sản (đồng)	620.090.089.908	624.330.889.908	4.240.800.000	0,68%
Vốn chủ sở hữu (đồng)	441.668.315.965	445.909.115.965	4.240.800.000	0,96%
ROA (%)	2,94%	6,38%	3,44%	117,14%
ROE (%)	4,13%	8,94%	4,81%	116,42%
ROS (%)	9,49%	20,30%	10,81%	113,95%

(nguồn tác giả tự tính)

Nhận xét :

- Doanh thu của công ty sau giải pháp là 196.303.139.469 đồng , tăng 4.240.800.000 đồng so với trước đó , tương ứng 2,21%

- Khi đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp , các nhà phân tích thường xem xét hai chỉ tiêu là tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ (ROE) . Về cơ bản hai chỉ tiêu ROA và ROE càng cao càng tốt . Chỉ số ROA cao thể hiện sự sắp xếp , phân bổ và quản lý tài sản càng hợp lý và hiệu quả . Chỉ số ROE cao giúp công ty có lợi thế trong việc đi huy động vốn trên thị trường tài chính để hỗ trợ đầu tư vào các kế hoạch kinh doanh .Cơ cấu vốn như bảng 3.2 trên là hợp lý tức là công ty đã hoạt động có hiệu quả cao khi đầu tư , xây dựng nền tảng mới , cho ta thấy hiện nay thực sự là cần thiết đối với công ty

KẾT LUẬN

Nền kinh tế thị trường đang ngày một phát triển, doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển lớn mạnh, hòa nhập với nền kinh tế đòi hỏi phải không ngừng tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm. Muốn vậy, Doanh nghiệp phải phát huy một cách có hiệu quả công tác kế toán nói chung và đặc biệt phát triển hơn nữa công tác phân tích hoạt động tài chính nói riêng để phải ánh một cách chính xác tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp có một sự định hướng trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự năng động sáng tạo của Ban Giám đốc Công ty và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ Công nhân viên trong công ty đã phát triển không ngừng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Là một doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty, thông qua sự nghiên cứu về công tác phân tích hoạt động tài chính tại công ty, em thấy những mặt mạnh công ty cần tiếp tục phát huy đồng thời khắc phục những vấn đề còn tồn tại. Với thời gian thực tập, trình độ và khả năng tìm hiểu thực tế có hạn em đưa ra một số ý kiến và giải pháp để mong rằng một phần nào đó đóng góp hoàn thiện hơn nữa công tác phân tích hoạt động tài chính tại Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của Ban lãnh đạo Công ty, phòng tài chính kế toán, phòng tổ chức hành chính và thầy cô giáo hướng dẫn đã tạo điều kiện giúp đỡ và trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành chuyên đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty Cổ phần cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ . Báo cáo tài chính năm 2017
2. Công ty Cổ phần cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ . Báo cáo thường niên năm 2017
3. Giáo trình “tài chính doanh nghiệp” . Chủ biên : PGS.TS Lưu Thị Hương - NXB Thống kê - 2008
4. Giáo trình “ Quản trị tài chính doanh nghiệp” . Đồng chủ biên PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm , TS Nguyễn Đăng Nam - NXB Tài chính -2009
5. Giáo trình “Quản Trị doanh nghiệp” . Chủ biên : PGS .TS Lê Văn Tâm - Chủ nhiệm bộ môn Quản trị kinh doanh - NXB Thống kê Hà Nội - 2009
6. Giáo trình “ Tài chính tài chính doanh nghiệp hiện đại” chủ biên PGS .TS Trần Ngọc Thơ - Trường Đại học kinh tế TP HCM - NXB Thống kê 2010